

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LƯU KẾ TRƯỞNG

TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA
VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG
HÌNH SỰ VIỆT NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Hà Nội, năm 2020

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LƯ KẾ TRƯỜNG

TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA
VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG
HÌNH SỰ VIỆT NAM

Ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số 0380104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS HOÀNG THỊ MINH SƠN

Hà Nội, năm 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của tôi; các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc xác định rõ ràng.

Hà Nội, Ngày Tháng Năm 2020

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra	7
1.2. Cơ sở lý luận về thời hạn điều tra, gia hạn điều tra	13
1.3. Phân biệt tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra với một số chế định khác....	15
1.4. Ý nghĩa của tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự	17
Chương 2: QUY ĐỊNH VỀ TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	21
2.1. Quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra trong vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành.....	21
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự.....	41
Chương 3: YÊU CẦU, QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ	62
3.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra	62
3.2. Quan điểm nâng cao hiệu quả tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra... ..	66
3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra.....	69
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	78

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
TNHS	Trách nhiệm hình sự

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Bảng thống kê số vụ, số bị can CQĐT các cấp đã thụ lý điều tra và tạm đình chỉ điều tra (2013- 06 tháng đầu năm 2019) [38,39,40,41,42,43] ..	42
Bảng 2.2. Bảng thống kê số vụ, số bị can CQĐT các cấp đã kết thúc điều tra và đình chỉ điều tra (2013- 06 tháng đầu năm 2019) [38,39,40,41,42,43]	43
Bảng 2.3. Bảng thống kê số vụ và số bị can Viện kiểm sát tạm đình chỉ và đình chỉ vụ án (2013 – 06 tháng đầu năm 2019) [38,39,40,41,42,43]	53
Bảng 2.4. So sánh số vụ án tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra so với số vụ án tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án của Viện kiểm sát cùng cấp (2013 – 06 tháng đầu năm 2019) [38,39,40,41,42,43]	53

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015 và có hiệu lực chính thức kể từ ngày 01/7/2016 với nhiều điểm mới, sửa đổi, bổ sung một cách căn bản và toàn diện so với Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam 2003. Trong đó, một trong những điểm mới quan trọng là Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã quy định đầy đủ, cụ thể hơn về trình tự, thủ tục hoạt động tố tụng trong mỗi giai đoạn nhằm khắc phục những bất cập và hạn chế trong Bộ luật tố tụng hình sự 2003.

Thực tiễn hiện nay, vấn đề chất lượng công tác tư pháp nói chung và chất lượng của các hoạt động điều tra của cơ quan điều tra nói riêng chưa thực sự đạt hiệu quả cao, còn nhiều trường hợp làm oan người vô tội hay bỏ lọt tội phạm; vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân. Nhiệm vụ quan trọng của cơ quan điều tra là khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm phải khởi tố vụ án hình sự để tiến hành điều tra vụ án. Trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra phải tiến hành các hoạt động điều tra nhằm xác định tội phạm và người thực hiện tội phạm. Đối với trường hợp hết thời hạn điều tra mà chưa xác định được bị can hay đã xác định được bị can nhưng không biết bị can đang ở đâu hoặc có căn cứ cho rằng bị can đó bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác thì cơ quan điều tra phải thực hiện tạm ngừng các hoạt động điều tra. Trường hợp trong quá trình điều tra của cơ quan điều tra mà phát hiện có quyết định khởi tố không có căn cứ xác thực, khởi tố sai hoặc bị can có những căn cứ miễn trách nhiệm hình sự thì phải đình chỉ điều tra. Nếu cơ quan điều tra vẫn tiếp tục thực hiện các hoạt động điều tra trong các trường hợp trên sẽ dễ dẫn đến tình trạng oan sai ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của bị can. Do vậy, tạm đình chỉ điều tra và đình chỉ điều tra là những quyết định quan trọng trong giai đoạn điều tra bởi đây là những quyết định tố tụng dẫn đến việc tạm ngừng hoặc dừng hẳn tố tụng đối với vụ án, đối với bị can đang giải quyết. Vì lẽ đó, nó sẽ tác động rất lớn đối với các quyết định và hoạt động tố tụng khác từ đó sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới quyền và lợi ích của bị can, bị hại và những

người tham gia tố tụng khác nếu bị lạm dụng hoặc áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật.

Thực tiễn thời gian qua vẫn còn không ít trường hợp cơ quan điều tra tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra không đúng căn cứ do pháp luật quy định hoặc có căn cứ nhưng cơ quan điều tra không ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra, Quyết định đình chỉ điều tra vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can dẫn đến kéo dài thời gian tố tụng, gây tổn kém nhân lực, vật lực trong giải quyết các vụ án hình sự hoặc vẫn còn hiện tượng áp dụng căn cứ pháp luật chưa chính xác gây bức xúc trong nhân dân, ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan tố tụng, cá biệt có những trường hợp lợi dụng các chế định tạm đình chỉ điều tra và đình chỉ điều tra để tiếp tay cho bị can trốn tránh trách nhiệm hình sự, tránh việc bồi thường oan sai...

Trong khoa học luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam, chế định tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vẫn chưa được quan tâm, nghiên cứu một cách đầy đủ, sâu sắc, toàn diện và có tính hệ thống. Bên cạnh đó, khi đánh giá từ góc độ thực tiễn thì hoạt động tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án còn có một số điểm chưa thực sự chuyển biến. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 mới được ban hành có liệu lực thay thế Bộ luật trước đây có những thay đổi liên quan đến chế định tạm đình chỉ điều tra và đình chỉ điều tra, trong đó có tác động tới hoạt động này của cơ quan tố tụng trong thực tiễn. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài "*Tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*" mang tính cấp thiết, có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Trong thời gian qua, ở nhiều mức độ khác nhau, chế định đình chỉ và tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đã đề cập trong các cuốn giáo trình, bình luận, một số luận văn thạc sĩ và một số bài viết trên tạp chí nghiên cứu về đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án như:

Luận văn thạc sĩ Luật học: *Đình chỉ điều tra vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình (2017)* của Lê Thế Thanh. Luận văn đã phân tích một cách có hệ thống về những vấn đề lý luận và thực tiễn của chế

định đình chỉ điều tra vụ án bao gồm: Mục đích, ý nghĩa, căn cứ và hậu quả pháp lý của đình chỉ điều tra thông qua các hoạt động của Cơ quan điều tra và kiểm sát đình chỉ điều tra của Viện kiểm sát nhân dân. Luận văn cũng đã phân tích các trường hợp đình chỉ điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, đồng thời đánh giá tổng thể những tồn tại xung quanh việc quy định của chế định đình chỉ điều tra cả về lý luận và lập pháp hình sự. Bên cạnh đó còn đề cập tới một số bất cập và đề ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác đình chỉ điều tra vụ án hình sự.

Luận văn thạc sỹ luật học: *Vấn đề đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án trong luật tố tụng hình sự Việt Nam* (2016) của Nguyễn Sao Mai. Luận văn đã tổng hợp các quan điểm khoa học về chế định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án hình sự để xây dựng khái niệm khoa học riêng về vấn đề đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án. Bên cạnh đó tác giả còn phân tích sự hình thành và phát triển của các quy định về đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam qua các thời kì. Luận văn cũng chỉ ra những hạn chế và đề ra một số giải pháp để hoàn thiện chế định đình chỉ và tạm đình chỉ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Một số công trình nghiên cứu chuyên sâu khác nhưng chỉ tập trung viết về một phần nội dung của chế định như bài viết: *“Bàn về quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án và bị can theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự”* của tác giả Mai Văn Minh (Tạp chí kiểm sát – Viện kiểm sát nhân dân tối cao số 01/2006); *“Đình chỉ điều tra và đình chỉ vụ án đối với trường hợp không có sự việc phạm tội và hành vi không cấu thành tội phạm”* của tác giả Mai Văn Lư (Tạp chí kiểm sát – Viện kiểm sát nhân dân tối cao số 05/2008);...

Chế định tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự cũng đã được đề cập trong một số cuốn giáo trình và bình luận khoa học như: Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội; Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 - Nhà xuất bản Công an nhân dân do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên; Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 – Nhà xuất bản Lao động do TS. Phạm Mạnh Hùng chủ biên; Bình luận khoa học Bộ luật

tổ tụng hình sự năm 2015 – Nhà xuất bản Thế giới do Trần Văn Biên và Đinh Thế Hưng đồng chủ biên...;

Trên cơ sở một số khảo sát nêu trên, có thể thấy ở nước ta đã có một số công trình nghiên cứu về vấn đề tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra vụ án hình sự. Tuy vậy, những nghiên cứu về chế định này chủ yếu mới chỉ tập trung vào căn cứ tạm đình chỉ hoặc đình chỉ nhất định. Mặt khác, những công trình nêu trên chỉ đề cập một cách tổng thể, khái quát những vấn đề lý luận và chưa đi sâu nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc, riêng biệt về chế định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra vụ án trên cả hai góc độ lý luận và thực tiễn áp dụng, đặc biệt BLTTHS 2015 mới có hiệu lực thi hành không lâu. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài “*Tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*” có điều kiện tiếp thu tham khảo và không trùng lặp với các công trình đã nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

Mục đích của luận văn là nghiên cứu các quy định của BLTTHS 2015 về vấn đề tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra dưới khía cạnh lập pháp và việc áp dụng các quy định đó trong thực tiễn. Từ đó, có thể chỉ ra những nguyên nhân làm phát sinh những tồn tại trong việc áp dụng chế định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án hình sự và đưa ra kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự trên thực tế. Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận văn có nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Giải quyết một số vấn đề về mặt lý luận liên quan tới chế định tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án như: khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án;
- Phân tích các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án, bao gồm: Căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục...;
- Đánh giá quá trình thực tiễn áp dụng các quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án, đồng thời phân tích, làm rõ những nguyên nhân làm phát sinh các tồn tại đó;

- Đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng áp dụng chế định tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự

4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận chung về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra; bên cạnh đó là các quy định của BLTTHS 2015 và thực tiễn thi hành các quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự, có so sánh với BLTTHS 2003 để thấy được những điểm mới của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự và thực tiễn áp dụng những quy định này của các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát từ năm 2013 đến hết tháng 06 năm 2019 trên phạm vi cả nước, bởi BLTTHS 2015 mới có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 nên thực tiễn tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra còn ít. Tuy nhiên, do điều kiện khách quan không thể nghiên cứu thực tiễn số liệu liên quan đến việc áp dụng các quy định của BLTTHS 2015 về tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và một số cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nên luận văn chỉ tập trung nghiên cứu thực tiễn việc áp dụng các quy định BLTTHS 2015 về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự của các Cơ quan điều tra của Công an nhân dân và của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

5. Các phương pháp nghiên cứu áp dụng để thực hiện luận văn

Luận văn áp dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như thành tựu của các ngành khoa học như triết học, lịch sử, lý luận về nhà nước và pháp luật, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, tội phạm học, những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách bình luận, sách chuyên khảo và những bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu luận văn, tác giả luận văn đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu của khoa học luật tố tụng hình sự như: so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê...

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Luận văn làm rõ những vấn đề lý luận, khái niệm tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra, phân tích rõ các quy định của pháp luật, chỉ ra những điểm mới của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 so với Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra cũng như việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn trong việc khắc phục những trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm do hoạt động khởi tố và điều tra vụ án hình sự gây ra, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, người bị hại. Trên cơ sở nghiên cứu này, đóng góp một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của pháp luật về tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra vụ án hình sự trên thực tế.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục từ ngữ viết tắt và Danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung chính của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự.

Chương 2: Quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Yêu cầu, quan điểm và các giải pháp nâng cao hiệu quả tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án hình sự.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

Theo giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của trường Đại học Luật Hà Nội năm 2018 thì: “Điều tra là giai đoạn tố tụng hình sự, trong đó cơ quan có thẩm quyền điều tra áp dụng mọi biện pháp do luật định để xác định tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết khác làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án” [36, tr.307].

Giai đoạn điều tra giữ vai trò quan trọng trong việc giải quyết vụ án hình sự mà trong đó cơ quan Điều tra áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thu thập và củng cố chứng cứ để chứng minh tội phạm, xác định người thực hiện hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, xác định thiệt hại do tội phạm gây ra và các tình tiết ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người thực hiện tội phạm, đồng thời đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại về vật chất do tội phạm gây nên. Trên cơ sở kết quả điều tra, CQĐT ra Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra trong trường hợp có căn cứ do pháp luật quy định.

Nói cách khác, kết quả điều tra chính là cơ sở để Viện kiểm sát quyết định truy tố bị can trước Tòa án hoặc Quyết định khác để giải quyết vụ án, từ đó là cơ sở để Tòa án xét xử đúng người đúng tội. Không có kết quả điều tra của giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát không thể truy tố, Tòa án không thể xét xử vụ án và vụ án không thể được giải quyết một cách xác đáng.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện hoạt động điều tra, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà việc điều tra không thể tiếp tục tiến hành được, nếu vẫn điều tra sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị can hoặc làm cho kết quả điều tra không chính xác. Đó là các trường hợp việc khởi tố vụ án không có căn cứ hoặc đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội

phạm, thì CQĐT ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra. Nếu cơ quan điều tra phát hiện bị can bị bệnh tâm thần hoặc bị bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của hội đồng giám định pháp y hoặc không xác định được bị can hoặc không biết bị can đang ở đây theo quy định của BLTTHS, cơ quan điều tra phải ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra [36, tr.8,9]. Thông qua những quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra, cơ quan điều tra tạm ngừng hoặc kết thúc hoạt động điều tra nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, người bị hại.

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tạm đình chỉ điều tra

1.1.1.1. Khái niệm tạm đình chỉ điều tra

Hiện nay, trong BLTTHS chỉ có quy định về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự mà chưa đưa ra khái niệm thế nào là tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự. Do vậy, ở mỗi góc độ tiếp cận vấn đề khác nhau, mỗi nhà lý luận và thực tiễn đưa ra những quan niệm khác nhau về khái niệm tạm đình chỉ điều tra. Theo đó, các quan niệm này cũng có phạm vi khái niệm cũng như tính khoa học, tính thực tiễn phù hợp với khái niệm khác nhau.

Trong Đại từ điển Tiếng Việt thì từ “tạm” có nghĩa là “chỉ trong một thời hạn ngắn và sẽ còn thay đổi”[47, tr.456]. Theo Từ điển Bách khoa thì “Tạm đình chỉ điều tra là việc Cơ quan điều tra ra quyết định ngừng việc điều tra đối với một hoặc một số bị can”[37, tr.1050]

Theo Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam của trường Đại học Luật Hà Nội thì “Tạm đình chỉ điều tra là tạm ngừng việc tiến hành điều tra đối với vụ án hoặc đối với từng bị can trong một thời điểm nhất định”[36, tr.316]

Theo Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của Học viện An ninh nhân dân thì nhận định: “Tạm đình chỉ điều tra là việc Cơ quan điều tra tạm ngừng các hoạt động điều tra đối với toàn bộ hoặc một phần vụ án khi có những căn cứ do Bộ luật tố tụng hình sự quy định”[15, tr.257]

Theo Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì “Tạm đình chỉ điều tra là tạm ngừng việc tiến hành điều tra đối với toàn bộ vụ án hoặc đối với một hoặc một số bị can của vụ án đó trong thời hạn nhất định. Thời hạn tạm đình

chỉ điều tra tùy thuộc vào căn cứ tạm đình chỉ điều tra của vụ án hoặc đối với bị can. Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ điều tra chính là cơ quan đang tiến hành điều tra vụ án. Cơ quan này không được tùy tiện ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, mà phải căn cứ vào quy định của pháp luật”[2, tr.225]

Nhìn chung phần lớn các quan điểm trên đều đưa ra được một khái niệm chính xác và đầy đủ nhất về tạm đình chỉ điều tra. Các quan điểm này hoặc là chưa chính xác, chưa thể hiện rõ được bản chất pháp lý, chủ thể có thẩm quyền ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra, cho rằng: Tạm đình chỉ điều tra chỉ đơn giản là hình thức tạm ngừng vụ án hình sự ở giai đoạn điều tra hoặc là chỉ ra đối tượng tạm đình chỉ điều tra là vụ án và bị can, chỉ ra hậu quả pháp lý của Quyết định tạm đình chỉ điều tra là làm ngừng các hoạt động điều tra nhưng chưa chỉ ra được chủ thể có thẩm quyền ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra.

Về mặt pháp lý tạm đình chỉ điều tra là việc tạm dừng hoạt động tố tụng đối với vụ án hoặc từng bị can trong vụ án.

Trong quá trình điều tra, có thể xảy ra ba trường hợp sau: *Thứ nhất*, khi chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra vụ án. Trường hợp không biết cụ thể bị can đang ở đâu thì CQĐT phải ra quyết định truy nã trước khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra nhưng hết thời hạn điều tra mà vẫn chưa bắt lại được; *Thứ hai*, bị can bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh hiểm nghèo có kết luận giám định tư pháp của đơn vị có thẩm quyền; *Thứ ba*, khi trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra vụ án. Trong những trường hợp như vậy không thể tiếp tục tiến hành tố tụng mà CQĐT, Cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải ra quyết định tạm đình chỉ điều tra để chờ cho bị can khỏi bệnh, xác định được người thực hiện hành vi phạm tội trong trường hợp chưa xác định được bị can, bắt được bị can trong trường hợp bị can đang bị truy nã hoặc nhận được kết quả tương trợ tư pháp.

Tại điểm g, khoản 2, Điều 39 BLTTHS 2015 quy định khi tiến hành tố tụng hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng

cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng, những người quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 35 của Bộ luật này có những nhiệm vụ, quyền hạn: “g) *Kết luận điều tra, đề nghị truy tố hoặc kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra; quyết định tạm đình chỉ điều tra và quyết định đình; quyết định phục hồi điều tra*”. Do vậy, theo quy định của pháp luật, cấp trưởng hoặc cấp phó (được ủy quyền) của các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cũng có thẩm quyền quyết định đình chỉ điều tra; quyết định tạm đình chỉ điều tra.

Từ những phân tích nêu trên, chúng ta có thể đưa ra khái niệm về tạm đình chỉ điều tra như sau: *Tạm đình chỉ điều tra là biện pháp tố tụng mà cơ quan điều tra, cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra áp dụng để tạm ngừng hoạt động điều tra đối với vụ án hoặc đối với bị can khi có căn cứ theo quy định của BLTTHS bằng việc ra quyết định tạm đình chỉ điều tra.*

1.1.1.2. Đặc điểm của tạm đình chỉ điều tra

Từ khái niệm tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, chúng ta có thể nhận thấy tạm đình chỉ điều tra có những đặc điểm sau:

Thứ nhất: Đối tượng của tạm đình chỉ điều tra là vụ án và bị can.

Đối với trường hợp vụ án có nhiều bị can mà có căn cứ để ra quyết định tạm đình chỉ đối với một hoặc một số bị can và việc tạm đình chỉ đối với một hoặc một số bị can đó không làm ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án hình sự thì CQĐT ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can khi có căn cứ tạm đình chỉ.

Khi quyết định tạm đình chỉ điều tra, CQĐT sẽ tạm ngừng các hoạt động điều tra đang tiến hành đối với vụ án hoặc đối với một số bị can cho tới khi có căn cứ để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra (bị can đã chữa trị khỏi bệnh hoặc đã xác định được bị can hoặc bắt được bị can bỏ trốn).

Hai là: Tạm đình chỉ điều tra là Quyết định thuộc thẩm quyền của CQĐT trong giai đoạn điều tra.

Tạm đình chỉ điều tra là hoạt động tố tụng được pháp luật tố tụng sự quy định cho cơ quan điều tra nhằm tạm ngừng các hoạt động điều tra khi xuất hiện

những lí do khách quan không thể tiếp tục tiến hành các hoạt động điều tra, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị can.

Ba là: Quyết định tạm đình chỉ điều tra chỉ được thực hiện khi có căn cứ luật định. Bộ luật tố tụng hình sự đã quy định cụ thể về các căn cứ tạm đình chỉ điều tra.

Khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, cơ quan điều tra phải chỉ rõ căn cứ đã áp dụng để tạm đình chỉ điều tra. Nếu cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra mà không dựa vào các căn cứ mà pháp luật quy định thì bị coi là vi phạm pháp luật và sẽ bị Viện kiểm sát hủy bỏ và yêu cầu phục hồi điều tra.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của đình chỉ điều tra

1.1.2.1. Khái niệm đình chỉ điều tra

Cũng như việc tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, đình chỉ điều tra đã được quy định từ lâu trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế hiện nay chưa có cách hiểu thống nhất cho khái niệm này và vẫn còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm đình chỉ điều tra. Cụ thể còn tồn tại một số quan điểm khác như sau:

Theo từ điển tiếng Việt, các thuật ngữ đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đều có nghĩa là đình chỉ tố tụng. Nhưng tùy theo từng giai đoạn tố tụng là CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra và Viện kiểm sát hoặc Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án.

Theo từ điển bách khoa Công an nhân dân: Đình chỉ điều tra là hình thức kết thúc vụ án hình sự ở giai đoạn điều tra...”[37, tr.462]

Đứng trên bình diện nghiên cứu khoa học đã không ít những ý kiến, quan điểm khác nhau về đình chỉ điều tra. Theo TS. Trần Vi Dân thì: “Đình chỉ điều tra là việc Cơ quan điều tra chấm dứt hoạt động điều tra đối với vụ án khi có căn cứ theo quy định của BLTTHS bằng việc ra quyết định đình chỉ điều tra do Thủ trưởng, Phó thủ trưởng được phân công điều tra vụ án hình sự ký ban hành”[1, tr.348]

Theo GS.TS Võ Khánh Vinh thì: Đình chỉ điều tra là một trong hai hình thức kết thúc hoạt động điều tra mà nội dung của nó là dựa trên những lý do và căn cứ nhất định chấm dứt mọi hoạt động nhằm phát hiện, thu thập, kiểm tra đánh giá

những thông tin dung làm chứng cứ để giải quyết vụ án hình sự. Đình chỉ điều tra được áp dụng khi quá trình điều tra vụ án mặc dù chưa đi đến chứng minh một cách chắc chắn rằng vụ việc xảy ra hay không nhưng lại có căn cứ pháp lý nhận thấy không thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện những hành vi liên quan đến vụ việc đó[46, tr.480].

Bên cạnh đó, lại có ý kiến cho rằng: Đình chỉ điều tra là việc chấm dứt hết các hoạt động tố tụng đối với một vụ án thì đương nhiên chấm dứt cả mọi hoạt động tố tụng đối với một bị can, vì vậy không cần thiết phải ra quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can.

Đây đều là quan điểm đúng nhưng chưa đầy đủ, vì khi có vụ việc phát sinh xét thấy có dấu hiệu tội phạm thì CQĐT, Cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải ra quyết định khởi tố vụ án và tiến hành các hoạt động điều tra. Khi xác định được đối tượng thực hiện hành vi phạm tội thì CQĐT hoặc Cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải ra quyết định khởi tố bị can. Trong quá trình điều tra nếu có một trong các căn cứ đình chỉ điều tra quy định trong BLTTHS thì CQĐT, Cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành đình chỉ điều tra.

Từ những nghiên cứu trên, chúng ta có thể đưa ra khái niệm đình chỉ điều tra như sau: *Đình chỉ điều tra là một hình thức kết thúc hoạt động điều tra mà theo đó CQĐT, Cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chấm dứt hoạt động điều tra đối với vụ án, đối với bị can khi có căn cứ theo quy định của BLTTHS bằng việc ra quyết định đình chỉ điều tra do Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT được phân công điều tra vụ án hình sự hoặc người được giao tiến hành một số hoạt động điều tra ký ban hành.*

1.1.2.2. Đặc điểm của đình chỉ điều tra

Từ khái niệm đình chỉ điều tra, chúng ta có thể nhận thấy đình chỉ điều tra vụ án hình sự có các đặc điểm sau:

Thứ nhất: Đình chỉ điều tra là một hình thức kết thúc hoạt động điều tra.

Việc điều tra kết thúc khi CQĐT ra Bản kết luận điều tra và đề nghị Viện kiểm sát truy tố hoặc ra Bản kết luận điều tra và Quyết định đình chỉ điều tra. Như vậy, có thể nhận định đình chỉ điều tra là một trong hai hình thức kết thúc điều tra. Khi CQĐT kết thúc các hoạt động điều tra cần thiết nhưng vẫn không có căn cứ chứng minh được bị can đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng đồng thời lại xuất hiện các căn cứ đình chỉ điều tra thì CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra. Đến thời điểm này, mọi hoạt động điều tra đang tiến hành đối với vụ án hoặc đối với một hoặc một số bị can phải chấm dứt.

Thứ hai: Đình chỉ điều tra là một quyết định thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra được áp dụng trong giai đoạn điều tra.

Thứ ba: Đình chỉ điều tra phải dựa trên những căn cứ, thẩm quyền, và trình tự, thủ tục được quy định trong BLTTHS. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, Cơ quan tiến hành tố tụng phải dựa vào những căn cứ đã được quy định trong BLTTHS, không thể tùy nghi áp dụng các căn cứ để ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án. Đồng thời, việc đình chỉ điều tra vụ án hình sự phải do người có thẩm quyền ra quyết định theo trình tự, thủ tục được quy định trong BLTTHS.

Thứ tư: Đối tượng của đình chỉ điều tra là vụ án hoặc bị can.

Khi có căn cứ để đình chỉ điều tra đối với vụ án như: Không có sự việc phạm tội hoặc trong vụ án có một bị can nhưng có căn cứ để đình chỉ điều tra đối với bị can đó chẳng hạn như bị can chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự hay hành vi không cấu thành tội phạm, hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự... thì CQĐT ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án.

Trong vụ án có nhiều bị can nhưng lại có căn cứ để đình chỉ điều tra đối với từng bị can như bị can chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị can đã chết... mà việc đình chỉ điều tra đối với bị can đó không liên quan đến những bị can khác thì CQĐT ra Quyết định đình chỉ điều tra đối với từng bị can mà có căn cứ đình chỉ.

1.2. Cơ sở lý luận về thời hạn điều tra, gia hạn điều tra

Thời hạn điều tra được quy định căn cứ dựa vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Mặt khác, thời hạn điều tra được tính từ khi khởi tố vụ án

hình sự đến khi kết thúc giai đoạn điều tra. Thời hạn điều tra sẽ khác nhau với các tội phạm khác nhau.

Thời hạn điều tra có thể hiểu là khoảng thời gian pháp luật quy định mà Cơ quan điều tra có thẩm quyền được tiến hành điều tra đối với một vụ án hình sự. Hết thời hạn điều tra quy định tại điều này, Cơ quan điều tra phải ra các văn bản tố tụng nhất định. Thời hạn điều tra được quy định căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hay nói cách khác, căn cứ vào sự phân loại tội phạm thì: Tội phạm càng nghiêm trọng thì thời hạn điều tra càng dài và ngược lại. Theo pháp luật quy định hiện hành thì thời hạn điều tra vụ án hình sự là không quá 02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá 03 đối với tội phạm nghiêm trọng, đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, thời hạn này là không quá 04 tháng. Đối với những trường hợp vụ án hình sự có tính chất phức tạp thì cơ quan điều tra có thể tiến hành gia hạn điều tra. Thời hạn gia hạn điều tra cũng được quy định dựa trên sự phân loại tội phạm, cụ thể: Đối với tội phạm nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra hai lần, lần thứ nhất không quá 03 tháng và lần thứ hai không quá 02 tháng; tội phạm rất nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra hai lần, mỗi lần không quá 04 tháng; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra ba lần, mỗi lần không quá 04 tháng.

Thủ tục gia hạn điều tra cũng được pháp luật quy định rõ ràng. Cơ quan điều tra xét thấy vụ án có tính chất phức tạp thì đề nghị Viện kiểm sát gia hạn điều tra. Hình thức của đề nghị gia hạn điều tra bằng văn bản và phải được gửi đến cho Viện kiểm sát chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn điều tra.

Việc gia hạn điều tra vụ án thuộc về Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp. Sự phân cấp thẩm quyền gia hạn điều tra cũng dựa trên sự phân loại tội phạm và phụ thuộc vào lần gia hạn điều tra. Cụ thể:

- Đối với tội phạm ít nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra;

- Đối với tội phạm nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai;

- Đối với tội phạm rất nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ hai.

Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai;

- Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương gia hạn điều tra lần thứ ba.

1.3. Phân biệt tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra với một số chế định khác

Việc so sánh sự giống và khác nhau giữa chế định tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra với chế định tạm đình chỉ và đình chỉ vụ án, giúp chúng ta có thể nhận thức đầy đủ và cụ thể hơn về bản chất của từng chế định, từ đó hiểu và áp dụng đúng đắn với từng chế định.

1.3.1. Tạm đình chỉ điều tra với tạm đình chỉ vụ án

- Điểm giống nhau: Tạm đình chỉ điều tra và tạm đình chỉ vụ án đều có hậu quả pháp lý giống nhau là tạm thời chấm dứt hoạt động tố tụng.

- Điểm khác nhau:

+ Giai đoạn thực hiện: Tạm đình chỉ điều tra được thực hiện trong giai đoạn điều tra vụ án; còn tạm đình chỉ vụ án được thực hiện trong giai đoạn truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án;

+ Thẩm quyền quyết định: Tạm đình chỉ điều tra do Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT được giao tiến hành điều tra vụ án hoặc Thủ trưởng, Phó thủ trưởng

Cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định. Tạm đình chỉ vụ án trong giai đoạn truy tố do Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát được giao tiến hành điều tra vụ án quyết định. Tạm đình chỉ vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định.

1.3.2. Đình chỉ điều tra với đình chỉ vụ án

- Điểm giống nhau: Đình chỉ điều tra và đình chỉ vụ án đều có hậu quả pháp lý giống nhau là chấm dứt hoạt động tố tụng.

- Điểm khác nhau:

+ Giai đoạn thực hiện: Đình chỉ điều tra được thực hiện trong giai đoạn điều tra vụ án; còn đình chỉ vụ án được thực hiện trong giai đoạn truy tố, xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm) vụ án;

+ Thẩm quyền quyết định: Đình chỉ điều tra do Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT được giao tiến hành điều tra vụ án hoặc Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định. Đình chỉ vụ án trong giai đoạn truy tố do Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát được giao tiến hành điều tra vụ án quyết định. Đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định; đình chỉ vụ án trong giai đoạn xét xử phúc thẩm do Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định;

Tuy nhiên, để thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội và đảm bảo cho nguyên tắc một hành vi phạm tội không bị kết án hai lần, do Tòa án là cơ quan xét xử, phán quyết cuối cùng với việc một người có phạm tội hay không và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội; cho nên phạm vi đình chỉ vụ án của Tòa án hẹp hơn phạm vi đình chỉ điều tra của CQĐT, đình chỉ vụ án của Viện kiểm sát. Một khi bị can đã bị truy tố ra trước Tòa án, mặc dù có căn cứ cho rằng không có hành vi phạm tội được thực hiện hoặc hành vi không cấu thành tội phạm thì Thẩm phán không được đình chỉ vụ án, mà phải quyết định đưa vụ án ra xét xử và tuyên bố bị cáo không phạm tội bằng một bản án; Tòa án cấp phúc thẩm có thể đình chỉ vụ án, nhưng kèm theo đó là tuyên bố bị cáo không phạm tội.

1.4. Ý nghĩa của tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự

1.4.1. Ý nghĩa của tạm đình chỉ điều tra

Chế định tạm đình chỉ điều tra là một trong những chế định có ý nghĩa rất quan trọng về mặt chính trị, xã hội và thực tiễn, góp phần quan trọng vào quá trình giải quyết vụ án hình sự đảm bảo tính khách quan, chính xác đồng thời thể hiện tinh thần nhân văn, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, cụ thể:

Ý nghĩa về mặt chính trị, xã hội: Việc quy định tạm đình chỉ điều tra góp phần đáp ứng các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền Việt Nam, trước tiên và quan trọng nhất chính là bảo đảm tính thượng tôn pháp luật trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực tư pháp hình sự. Tính thượng tôn pháp luật thể hiện thông qua yêu cầu về bảo đảm pháp chế trong hoạt động tố tụng hình sự và trở thành một nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự. Trong đó, đặt ra yêu cầu khách quan đối với CQĐT, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải chủ động, tích cực và thận trọng nhằm rà soát lại các hoạt động tố tụng đã diễn ra, qua đó khắc phục những sai lầm có thể xảy ra trong quá trình nhận thức của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, để đảm bảo vụ án được xử lý khách quan, chính xác, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Việc quy định tạm đình chỉ điều tra trong BLTTHS để đảm bảo tính công bằng, bình đẳng trong xã hội, đồng thời nó còn thể hiện truyền thống nhân văn, nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta tạm thời không xử lý hình sự đối với trường hợp bị can đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đang bị mất năng lực trách nhiệm hình sự, không còn khả năng thực hiện các hành vi tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có khả năng nhận thức được ý nghĩa của việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của họ.

Ý nghĩa thực tiễn: Trong quá trình giải quyết vụ án, quy định tạm đình chỉ điều tra không chỉ có ý nghĩa nhằm hạn chế tối đa khả năng kéo dài thời hạn tố tụng khi không cần thiết mà còn khắc phục hiện tượng tồn đọng án, giảm bớt nhu cầu sử dụng lực lượng và những chi phí vật chất không cần thiết cho hoạt động tố tụng

này. Mặt khác, tạm đình chỉ điều tra còn là một giải pháp chủ động trong việc đề phòng những oan sai có thể xảy ra trong hoạt động tố tụng.

Bên cạnh đó, chế định tạm đình chỉ điều tra còn có ý nghĩa dưới góc độ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa và đấu tranh phòng chống tội phạm.

1.4.2. Ý nghĩa của đình chỉ điều tra

Đình chỉ điều tra có những ý nghĩa nhiều ý nghĩa quan trọng:

Thứ nhất, đình chỉ điều tra có ý nghĩa sâu sắc ở chỗ đã thiết lập được sự công bằng giữa lợi ích công và lợi ích riêng của cá nhân con người, người bị hại và người bị khởi tố. Về phía người bị hại là cơ sở quan trọng để khẳng định và chứng minh rằng có hay không có hành vi phạm tội đã diễn ra đối với họ, hành vi đó có phải xử lý hình sự và chịu trách nhiệm về hậu quả pháp lý hay không. Còn đối với người bị khởi tố thì quyết định đình chỉ điều tra chính là sự công bằng, khoan hồng của pháp luật hình sự đã chứng minh rằng bản thân họ có phạm tội hay không, có hành vi sự kiện phạm tội nhưng có đến mức độ có thể tha và miễn trách nhiệm hình sự cho họ.

Thứ hai, đình chỉ điều tra đảm bảo được tính khách quan của vụ án hình sự, khắc phục được sự định kiến của các Cơ quan tiến hành tố tụng đối với bị can khi cho rằng họ là người phạm tội nên trong quá trình giải quyết vụ án chỉ thu thập chứng cứ nhằm buộc tội mà bỏ qua các chứng cứ gỡ tội. Quá trình chứng minh, thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ đó đều là cơ sở pháp lý rút ra kết luận về việc giải quyết vụ án. Nếu kết quả điều tra cho thấy không có đủ căn cứ để tiếp tục tiến hành mọi thủ tục tố tụng tiếp theo đối với vụ án, bị can thì việc đình chỉ điều tra là hệ quả tất yếu chứng minh cho việc xác định sự thật khách quan là nguyên tắc cơ bản xuyên suốt quá trình giải quyết, đảm bảo được sự công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Thứ ba, dưới góc độ về nhân đạo và bảo vệ quyền con người trong tư pháp hình sự: Đình chỉ điều tra trong tố tụng hình sự còn phản ánh chính sách phân hóa trách nhiệm hình sự và nguyên tắc nhân đạo trong pháp luật hình sự Việt Nam. Điều này thể hiện trong thực tiễn đấu tranh và phòng chống tội phạm không phải bất kỳ

trường hợp nào người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà luật hình sự quy định đều là tội phạm, bị xã hội lên án và đáng bị xử lý về mặt hình sự đều phải chịu trách nhiệm hình sự. Có trường hợp xét thấy không phải áp dụng trách nhiệm hình sự vẫn có thể đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội và phù hợp với nguyên tắc nhân đạo của pháp luật hình sự

Thứ tư, quy định về đình chỉ điều tra có ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc đặc biệt đối với việc nhận thức pháp luật của người dân. Hơn ai hết đó sẽ là minh chứng để mỗi người dân thấy rằng họ luôn được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng bởi Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Nếu những hành vi sai trái, vi phạm pháp luật xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự của công dân sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm minh bằng những chế tài cụ thể được pháp luật hình sự quy định. Ngược lại những hành vi đó không phải là tội phạm thì pháp luật sẽ lấy lại sự công bằng, dân chủ.

Thứ năm, về mặt pháp lý quy định đình chỉ điều tra còn là một mốc thời gian để xác lập một trong những giới hạn cần thiết của quá trình điều tra vụ án. Đến một thời gian nào đó Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự không thể điều tra, làm rõ được những hành vi, sự kiện tội phạm thì biện pháp đình chỉ điều tra là giải pháp chấm dứt mọi hoạt động điều tra, giải quyết đối với vụ án đó. Điều này giúp làm giảm đáng kể và tránh được hành vi lạm quyền, tùy tiện khởi tố hoặc thích thì điều tra không thì phó mặc cho thời gian của các Cơ quan tiến hành tố tụng. Qua đó cũng khẳng định một chân lý khách quan đó là hành vi đến đâu thì chịu trách nhiệm đến đó.

Thứ sáu, đình chỉ điều tra còn là một giải pháp trong việc đề phòng những vi phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Với việc kịp thời chấm dứt quá trình phát hiện, thu thập, kiểm tra và đánh giá các thông tin, tài liệu liên quan đến một vụ việc xảy ra đã được khởi tố về hình sự, khi không có căn cứ xác đáng và đầy đủ kết luận về vụ việc đó trong thời hạn luật định hoặc khi việc điều tra tiếp theo có thể gây tổn hại cho người bị hại. Việc đình chỉ điều tra có giá trị củng cố và xác lập công lý. Quy định về đình chỉ điều tra còn nhằm khắc phục các sai lầm có thể xảy ra

trong quá trình giải quyết vụ án hình sự về mặt nhận thức, đánh giá những tình tiết khách quan về vụ việc xảy ra mang dấu hiệu hình sự.

Thứ bảy, dưới góc độ về kỹ thuật lập pháp, những trường hợp đình chỉ điều tra được nhà làm luật nước ta quy định trong BLHS và Bộ luật tố tụng hình sự một cách đầy đủ, chặt chẽ có hệ thống và phù hợp với thực tiễn thì đó cũng là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng và hoàn thiện một số chế định khác có liên quan như: tội phạm, trách nhiệm hình sự, các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự...

Kết luận chương 1

Với mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đặt trong phần mở đầu, trong phạm vi của Chương 1, luận văn đã tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận về tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án hình sự trong tố tụng hình sự bao gồm ba nội dung chính:

Thứ nhất: Khái niệm và đặc điểm của tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án hình sự. Trong phần này trên cơ sở nhận xét, đánh giá một số quan điểm về khái niệm tạm đình chỉ và đình chỉ tra, đồng thời phân tích một số vấn đề lý luận liên quan đến khái niệm. Từ đó luận văn đưa ra khái niệm tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra cùng các đặc điểm cụ thể.

Thứ hai: Luận văn trình bày vấn đề lý luận về thời hạn điều tra/ gia hạn điều tra làm căn cứ để hiểu cụ thể về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra trong vụ án hình sự

Thứ ba: Luận văn tiến hành phân biệt tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra với một số chế định khác. Cụ thể là tạm đình chỉ vụ án và đình chỉ vụ án.

Thứ tư: Luận văn trình bày các ý nghĩa của việc pháp luật quy định tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Việc làm rõ một số vấn đề lý luận căn bản về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra trong tố tụng hình sự giúp đưa ra định hướng nhận thức thống nhất, đúng đắn về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra, là cơ sở đánh giá các quy định của pháp luật cũng như quá trình áp dụng pháp luật về tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án hình sự trên thực tế được trình bày tại Chương 2 của đề tài.

Chương 2

QUY ĐỊNH VỀ TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra trong vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành

2.1.1. Quy định về tạm đình chỉ điều tra trong vụ án hình sự

2.1.1.1. Quy định về các căn cứ tạm đình chỉ điều tra

Nhìn chung, so với BLTTHS năm 2003, các căn cứ tạm đình chỉ điều tra được quy định tại BLTTHS năm 2015 không có nhiều thay đổi. Điều 229 BLTTHS 2015 đã quy định cụ thể tách bạch so với Điều 160 BLTTHS năm 2003 về các trường hợp Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, đồng thời quy định bổ sung thêm trường hợp: Khi yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả mà đã hết thời hạn điều tra. Quy định trên đề phù hợp với thực tiễn cũng như đồng bộ với những nội dung đã được sửa đổi và bổ sung ở những điều luật khác trong Bộ luật. Bên cạnh đó, Điều luật cũng quy định rõ hơn về thời hạn để tạm đình chỉ điều tra với từng trường hợp cụ thể cũng như việc gửi văn bản tạm đình chỉ điều tra tới Viện kiểm sát các cấp, bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can, thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền lợi của họ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định:

“1. Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Khi chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra vụ án. Trường hợp không biết rõ bị can đang ở đâu, Cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã trước khi tạm đình chỉ điều tra;

b) Khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo thì có thể tạm đình chỉ điều tra trước khi hết thời hạn điều tra;

c) Khi trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra. Trong trường hợp này, việc giám định, định giá tài sản, tương trợ tư pháp vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả.”

Theo quy định này, Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra khi có một trong các căn cứ sau:

Thứ nhất: Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra khi hết thời hạn điều tra mà chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu hoặc trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả.

Trong trường hợp này, Điều luật đã không chỉ xác lập quyền tạm đình chỉ điều tra cho CQĐT mà còn xác định đây là nghĩa vụ của CQĐT phải tiến hành ra quyết định tạm đình chỉ điều tra khi thời hạn điều tra đã hết (bao gồm cả thời hạn gia hạn điều tra). Hết hạn điều tra ở đây được hiểu là đã hết kể cả khoảng thời gian đã xin gia hạn điều tra theo các quy định tại khoản 2, Điều 172 BLTTHS 2015. Để ra quyết định tạm đình chỉ điều tra với một trong những căn cứ trên, cơ quan ra quyết định phải căn cứ vào Điều 172 của BLTTHS 2015 quy định về thời hạn điều tra, gia hạn thời hạn điều tra và tính chất của vụ án, tội phạm đã được khởi tố, điều tra, để xác định còn thời hạn điều tra hay không.

Tuy nhiên, đối với trường hợp đã xác định được bị can, nhưng lại hết thời hạn điều tra mà không biết bị can đang ở đâu thì CQĐT phải ra quyết định truy nã trước khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra. Quyết định truy nã bị can phải được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người có thể phát hiện và bắt giữ. Ngoài ra, vì kết quả giám định có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều vấn đề khác của vụ án, đồng thời có thể là chứng cứ quan trọng làm căn cứ để phục hồi điều tra theo như quy định tại Điều 235 BLTTHS năm 2015, nên nhà làm luật đã tách một khoản riêng quy định cho trường hợp tạm đình chỉ điều tra khi đã hết thời hạn điều tra mà trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả. Trong trường hợp đó, mặc dù các hoạt động điều tra được tạm đình chỉ nhưng riêng việc giám định vẫn tiếp tục được tiến hành cho tới khi có kết quả.

Thứ hai: Cơ quan điều tra có thể ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra trước khi hết thời hạn điều tra khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo. Đối với trường hợp này thì việc tạm đình chỉ điều tra có thể được thực hiện ở bất kỳ thời điểm nào.

Một trong những trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định được quy định tại Khoản 1, Điều 206 BLTTHS năm 2015: *Tình trạng tâm thần của người bị buộc tội khi có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ; tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc bị hại khi có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức, khả năng khai báo đúng đắn về những tình tiết của vụ án;*

Khi có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của bị can, bắt buộc phải trưng cầu giám định tình trạng tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo của họ và phải có kết luận giám định tư pháp xác định bị can có bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo hay không? Nếu có thì tình trạng bệnh có ảnh hưởng đến năng lực trách nhiệm hình sự của bị can và kết quả của các hoạt động điều tra hay không? Trong trường hợp bị can bị bệnh tâm thần hoặc bị bệnh hiểm nghèo có ảnh hưởng đến hoạt động điều tra thì cơ quan điều tra phải tiến hành tạm đình chỉ điều tra cho đến khi tình trạng sức khỏe của bị can không còn cản trở việc tiến hành các hoạt động điều tra và phục hồi điều tra để tiếp tục làm rõ sự thật của vụ án hình sự. Bên cạnh đó, CQĐT cũng có thể không tạm đình chỉ điều tra nếu xét thấy tình tiết bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo không cản trở việc làm sáng tỏ sự thật của vụ án.

Mặt khác, nhằm đảm bảo việc xác định sự thật khách quan của vụ án cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, những người liên quan, Khoản 2 Điều 229 BLTTHS năm 2015 đã quy định khả năng tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can trong trường hợp vụ án có nhiều bị can, cụ thể: Trường hợp có nhiều bị can mà lý do tạm đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả các bị can thì có thể ra quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can. Theo quy định của điều luật thì chỉ có thể tạm đình chỉ điều tra đối với bị can trong một vụ án có nhiều bị can, nếu việc tạm đình chỉ này không liên quan đến tất cả các bị can. Tuy nhiên, cần hiểu cụ thể hơn là việc tạm đình chỉ không liên quan và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án đối với bất cứ một bị can nào khác.

2.1.1.2. Quy định về thẩm quyền tạm đình chỉ điều tra

Thủ trưởng CQĐT hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT được phân công điều tra vụ án hình sự.

Điều 229 BLTTHS năm 2015 quy định:

“1. Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra khi thuộc một trong các trường hợp:...”

Như vậy, CQĐT là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra. Thẩm quyền này được pháp luật TTHS cụ thể hóa tại điểm g khoản 2 và khoản 3 Điều 36 BLTTHS năm 2015:

“...2. Khi tiến hành tố tụng hình sự, Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ, quyền hạn:

...g) Quyết định tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra, phục hồi điều tra vụ án, bị can;...

3. Khi được phân công tiến hành việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra không được giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của mình...”

Như vậy, thẩm quyền ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra thuộc về Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Phó thủ trưởng CQĐT cũng có quyền ra quyết định tạm đình chỉ điều tra - những quyền này không phải đối với mọi vụ án và chỉ khi được Thủ trưởng CQĐT phân công điều tra vụ án hình sự. Việc quy định cụ thể chủ thể có thẩm quyền ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra trong những trường hợp theo luật định như đã phân tích ở trên cũng là một điểm mới của BLTTHS năm 2015 ưu việt hơn so với BLTTHS năm 2003 đó là việc quy định rõ về chủ thể có thẩm quyền này, giải quyết được vấn đề chủ thể trong áp dụng thực tiễn, hạn chế việc chông chéo thẩm quyền hoặc tránh né nghĩa vụ ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra, nâng cao tinh thần trách nhiệm của Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án hình sự, đòi hỏi luôn phải khách quan, cẩn trọng trong việc phát hiện, đánh giá chứng cứ, cũng như các tài liệu khác trong vụ án để kịp thời đưa ra phương án giải quyết, trong đó có việc ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra khi có các căn cứ theo luật định.

Tuy nhiên, việc quy định thẩm quyền ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra thuộc về Cơ quan điều tra như trên không loại trừ trách nhiệm của Viện kiểm sát đối với việc ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra này bởi Viện kiểm sát có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, trong đó bao gồm kiểm sát các hoạt động trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Để hạn chế tối đa việc CQĐT không phát hiện ra căn cứ tạm đình chỉ điều tra hoặc ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra đúng như: không có căn cứ theo luật định, không đúng trình tự thủ tục... dẫn đến việc Viện kiểm sát phải hủy bỏ Quyết định tạm đình chỉ điều tra hoặc ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án ở giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát có trách nhiệm thường xuyên trao đổi với CQĐT, kịp thời nắm bắt các tình tiết, chứng cứ, tài liệu của vụ án một cách khách quan, đôn đốc hoạt động điều tra của CQĐT.

2.1.1.3. Quy định về trình tự, thủ tục ra quyết định tạm đình chỉ điều tra

Mục đích của hoạt động điều tra là thu thập tài liệu chứng cứ để xác định, chứng minh người phạm tội và làm rõ toàn bộ vụ án để xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi vụ việc xảy ra, xác định có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan chức năng tiến hành khởi tố vụ án để điều tra. Trong giai đoạn điều tra ban đầu, yêu cầu cao nhất là nhanh chóng xác định người phạm tội để tiến hành khởi tố bị can. Tuy nhiên, bản chất của chế độ nước ta là ưu việt, những người ốm đau, bệnh tật thì dù họ có tội cũng phải được chăm sóc, chữa bệnh đầy đủ và chu đáo.

Trong trường hợp chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu thì chỉ tạm đình chỉ điều tra vụ án khi đã hết thời hạn điều tra. Trong trường hợp này, CQĐT phải ra quyết định truy nã trước khi ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra và phải ghi rõ đã ra Quyết định truy nã bị can trong Quyết định tạm đình chỉ điều tra. Quyết định truy nã bị can phải ghi cụ thể giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm ra quyết định; họ tên, chức vụ người ra quyết định; họ tên, tuổi, nơi cư trú của bị can; đặc điểm để nhận dạng bị can, dán ảnh kèm theo (nếu có) và tội phạm mà bị can đã bị khởi tố. Quyết định truy nã bị can được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người có thể phát hiện, bắt giữ người bị truy nã.

Đối với trường hợp CQĐT đã trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp mà chưa có kết quả thì CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, tạm ngừng các hoạt động điều tra còn việc giám định vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả. Quy định này của BLTTHS năm 2015 là hợp lý bởi: Quá trình giám định phụ thuộc vào trình độ chuyên môn của người giám định, phương tiện kỹ thuật, nội dung,... Do vậy, nhiều trường hợp giám định cần phải có thời gian dài mới có kết quả. Khi có kết quả giám định tư pháp kết luận bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án thì CQĐT bổ sung thêm quyết định đó vào hồ sơ vụ án. Trường hợp kết quả giám định tư pháp kết luận bị can không bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo thì CQĐT phải hủy quyết định tạm đình chỉ điều tra và ra quyết định phục hồi điều tra đối với vụ án và bị can đó.

Đối với trường hợp mà vụ án có nhiều bị can mà lý do tạm đình chỉ điều tra lại không liên quan đến tất cả các bị can, thì có thể ra quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can cụ thể. Đó là trường hợp hành vi phạm tội của từng bị can đã được xác định cụ thể, rõ ràng, đủ cơ sở để truy tố, xét xử nhưng có bị can bị bệnh hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu thì ra quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can đó. Quy định này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết toàn bộ vụ án, giúp Cơ quan tiến hành tố tụng có thể kịp thời phát hiện và xử lý tội phạm; kịp thời khắc phục thiệt hại do tội phạm gây ra, ngoài ra còn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những bị can mà có lý do tạm đình chỉ.

Để Viện kiểm sát có thể giám sát việc tạm đình chỉ điều tra được đúng luật, CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra phải gửi quyết định này tới Viện kiểm sát cùng cấp, bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can; đồng thời thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền lợi của họ.

Theo khoản 2 Điều 160 BLTTHS năm 2003 quy định: *CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra phải gửi quyết định này cho Viện kiểm sát cùng cấp.* Điều luật này chỉ quy định khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra CQĐT chỉ cần gửi quyết định này cho Viện kiểm sát cùng cấp để thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp biết

mà không hề quy định quyền hạn trách nhiệm của Viện kiểm sát khi nhận được quyết định tạm đình chỉ điều tra của CQĐT như không quy định Viện kiểm sát phải tiến hành nghiên cứu hồ sơ, xem xét xem quyết định tạm đình chỉ điều tra của CQĐT có căn cứ hay không, nếu không có căn cứ thì sao hay trong thời hạn bao nhiêu ngày,.. Ngoài ra, kèm theo đó là quy định "*Kiểm sát viên kiểm sát việc tạm đình chỉ điều tra của CQĐT, đảm bảo các trường hợp tạm đình chỉ điều tra được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 160 BLTTHS; nếu thấy quyết định tạm đình chỉ điều tra không có căn cứ thì báo Viện trưởng, Phó viện trưởng hoặc Kiểm sát viên được Viện trưởng ủy quyền quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra của CQĐT và yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra theo quy định tại Điều 165 BLTTHS*" tại Khoản 1 Điều 37 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra vụ án hình sự (Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC) Quy định của BLTTHS và Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự như trên tuy thể hiện được nhiệm vụ của Viện kiểm sát là kiểm sát Quyết định tạm đình chỉ điều tra của CQĐT nhưng lại chưa phản ánh được Viện kiểm sát có thể nghiên cứu hồ sơ vụ án trong bao lâu, xem xét xem quyết định tạm đình chỉ điều tra của CQĐT có căn cứ hay không để ra quyết định hủy bỏ hoặc trả hồ sơ vụ án lại cho CQĐT tiến hành theo đúng thẩm quyền như thế nào, dẫn đến việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của CQĐT trong việc ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra chưa thực sự hiệu quả.

Khắc phục những vướng mắc trên thì khoản 2 Điều 229 BLTTHS năm 2015 quy định: *Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định này cho Viện kiểm sát cung cấp, bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can; thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền lợi của họ.* Như vậy, BLTTHS năm 2015 đã quy định một cách rõ ràng hơn và bổ sung thêm thời hạn gửi Quyết định tạm đình chỉ điều tra là 02 ngày kể từ ngày ra Quyết định thay vì không quy định về thời hạn gửi quyết định như trong BLTTHS năm 2003; đồng thời đã bổ sung thêm quy định về các đối tượng

được nhận Quyết định tạm đình chỉ điều tra đó là Viện kiểm sát cùng cấp, bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can; thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền lợi của họ, thay vì chỉ gửi cho "*Viện kiểm sát cùng cấp, bị can, người bị hại*" như quy định tại BLTTHS năm 2003. Đây chính là một điểm mới quan trọng của BLTTHS năm 2015 góp phần nâng cao hiệu quả của công tác tạm đình chỉ điều tra được nhanh chóng, kịp thời, chính xác, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

2.1.2. Quy định về đình chỉ điều tra trong vụ án hình sự

2.1.2.1. Quy định về các căn cứ đình chỉ điều tra

Chế định đình chỉ điều tra được quy định tại Điều 230 BLTTHS năm 2015. Theo đó, đình chỉ điều tra là việc Cơ quan tiến hành tố tụng chấm dứt toàn bộ hoạt động điều tra đối với vụ án hình sự, bị can khi có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, chế định đình chỉ điều tra hiện nay vẫn chưa được quan tâm, nghiên cứu một cách chuyên sâu, đầy đủ, có hệ thống và tính toàn diện. Chẳng hạn như việc đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự, hậu quả pháp lý của miễn trách nhiệm; quy định như thế nào là do diễn biến tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; căn cứ áp dụng, thủ tục đình chỉ, thẩm quyền đình chỉ điều tra của các cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra chưa được pháp luật ghi nhận.

Khoản 1 Điều 230 BLTTHS năm 2015 quy định:

"1. Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 157 của Bộ luật này hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 của Bộ luật hình sự,

b) Đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm."

Như vậy, theo Điều luật trên, CQĐT ra Quyết định đình chỉ điều tra có một trong các căn cứ sau:

- **Thứ nhất:** Đình chỉ điều tra theo quy định của BLTTHS.

Trong trường hợp này, CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 230 BLTTHS 2015, tuy nhiên cần phải đảm bảo các quy định:

(1) Người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, trừ trường hợp khi có căn cứ xác định người đã yêu cầu rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì mặc dù người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án.

Tuy nhiên, việc rút đơn yêu cầu phải đảm bảo những điều kiện nhất định. Về chủ thể, người rút đơn yêu cầu phải là người bị hại, nếu người bị hại là người chưa thành niên hoặc là người có nhược điểm về tâm thần hay thể chất thì chỉ người đại diện hợp pháp của người bị hại mới có quyền rút đơn yêu cầu.

BLTTHS năm 2015 đã quy định CQĐT sẽ ra Quyết định đình chỉ điều tra khi người đã yêu cầu khởi tố vụ án rút yêu cầu khởi tố. Quy định về đình chỉ điều tra khi người bị hại thực hiện việc rút yêu cầu khởi tố trong giai đoạn điều tra thực chất nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại. Người bị hại là người bị thiệt hại cả về mặt thể chất, tinh thần và tài sản do hành vi phạm tội gây nên. Khi CQĐT tiến hành các hoạt động điều tra có thể gây thêm những tổn thất về tinh thần cho người bị hại, làm lộ bí mật đời tư của họ. Mặc dù trước đó họ đã có yêu cầu khởi tố nhưng trong giai đoạn điều tra do họ phải chịu thêm những áp lực và gây nên những thiệt hại về mặt tinh thần họ không muốn tiếp tục nên đã rút yêu cầu. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, trong trường hợp này BLTTHS đã quy định CQĐT phải đình chỉ điều tra, chấm dứt mọi hoạt động điều tra đối với vụ án.

Mặt khác trên thực tiễn có nhiều trường hợp người bị hại rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do họ bị ép buộc hay cưỡng bức. Người bị hại khi đã yêu cầu khởi tố vụ án là họ mong muốn người thực hiện hành vi phạm tội phải bị trừng trị. Nhưng do bị người khác ép buộc, cưỡng bức nên họ phải rút yêu cầu trái với ý muốn của họ. Trong trường hợp này khi CQĐT xác định được có căn cứ cho rằng người bị hại rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức thì vẫn tiến hành các hoạt động điều tra đối với vụ án. Khi người bị hại có nguyện vọng rút đơn yêu cầu khởi tố thì

họ không có quyền yêu cầu lại, tuy nhiên trừ trường hợp việc rút yêu cầu này là do bị ép buộc hoặc bị cưỡng bức. Vấn đề xác định việc rút yêu cầu của người bị hại là do ép buộc, cưỡng bức là trái với ý muốn của người bị hại phải có tài liệu chứng minh, không được căn cứ vào suy diễn chủ quan của người bị hại hoặc người tiến hành tố tụng.

(2) Khi chứng minh được vụ án có những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo quy định tại Điều 157 BLTTHS 2015, bao gồm 8 trường hợp:

- *Khi không có sự việc phạm tội;*

Có thể hiểu sự việc phạm tội là những việc mà do hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra. Khi có sự việc phạm tội, cơ quan có thẩm quyền phải khởi tố vụ án hình sự để tiến hành điều tra làm rõ tội phạm và người phạm tội. Trong trường hợp CQĐT xác định không có sự việc phạm tội thì việc tiến hành khởi tố vụ án ban đầu là sai và cần phải đình chỉ điều tra để khắc phục những nhận định sai lầm từ ban đầu.

- *Hành vi không cấu thành tội phạm;*

Cấu thành tội phạm là tổng hợp các dấu hiệu chung nhất có tính đặc trưng cho loại tội phạm cụ thể mà được luật hình sự quy định. Và hành vi không cấu thành tội phạm là hành vi không thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể mà được quy định trong BLHS.

Điều 2 BLHS đã xác định: “*Chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu TNHS...*” Như vậy, nếu xét về mặt pháp lý, con người chỉ phải chịu TNHS nếu họ đã thực hiện hành vi được quy định trong BLHS. Khi mới có những nguồn tin ban đầu về vụ án hình sự CQĐT ra quyết định khởi tố vụ án, sau đó ra quyết định khởi tố bị can để điều tra. Nhưng trong quá trình điều tra, CQĐT xác định rằng hành vi của người đã bị khởi tố bị can không cấu thành tội phạm thì CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án. Nếu trong vụ án đó có nhiều bị can, trong đó, có bị can hành vi của họ đã có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, có bị can mà hành vi của họ không cấu thành tội phạm thì CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can mà hành vi của họ không cấu thành tội phạm.

- *Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự:*

Xuất phát từ sự phát triển tâm, sinh lý của cá nhân cũng như căn cứ vào thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm mà trong từng giai đoạn khác nhau nhà làm luật quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự cũng khác nhau.

Tại Điều 12 BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể về tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Theo đó, người mà từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm mà họ phạm phải. Nếu từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi sẽ phải chịu trách nhiệm đối với tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

Bộ luật hình sự 2015 đã được Quốc Hội thông qua việc sửa đổi, bổ sung theo hướng chỉ xem xét trách nhiệm hình sự của người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Việc pháp luật quy định cụ thể về tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 2015 là nhằm bảo đảm tính nhất quán trong chính sách hình sự quốc dân đồng thời phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em mà Việt Nam là thành viên, đồng thời xuất phát từ chính sách nhân đạo và yêu cầu phòng, chống tội phạm của người chưa thành niên.

Do đó, nếu cơ quan có thẩm quyền đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can để điều tra mà trong quá trình điều tra, có căn cứ để xác định rằng người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội (bị can) chưa đủ tuổi chịu TNHS thì CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra. Nếu trong một vụ án hình sự có nhiều bị can mà có bị can chưa đủ tuổi chịu TNHS thì CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra đối với riêng bị can chưa đủ tuổi chịu TNHS theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, việc xác định độ tuổi của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội khi CQĐT tiến hành khởi tố không phải là đơn giản. Để đảm bảo nguyên tắc *“mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật”*, khi có chứng cứ chứng minh được người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thì CQĐT có trách nhiệm khởi tố bị can ngay. Lúc này CQĐT không thể xác định được ngay độ tuổi của bị can mà phải khởi tố bị can và điều tra

thì mới xác định được vấn đề này. Không ít trường hợp sau khi khởi tố điều tra đối với bị can thì CQĐT mới thu thập được đầy đủ tài liệu xác định tuổi của bị can chưa đủ 14 tuổi.

- Người mà thực hiện hành vi phạm tội đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật;

Tòa án ra bản án nhân danh Nhà nước để quyết định việc bị cáo phạm tội hay không phạm tội, hình phạt và các biện pháp tư pháp khác. Khi có căn cứ để ra quyết định đình chỉ vụ án, Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án. Khi Tòa án đã ra bản án hoặc ra quyết định đình chỉ vụ án đối với sự việc nào đó thì có nghĩa là sự việc đó đã được giải quyết và không ai có quyền khởi tố, điều tra lại sự việc đã được giải quyết. Nếu vụ án đang được tiến hành điều tra mà có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đã có hiệu lực pháp luật về vụ án đó thì CQĐT không được truy cứu TNHS đối với người đã thực hiện hành vi đó nữa và phải ra Quyết định đình chỉ điều tra đối với họ.

- Khi đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự;

Thời hiệu truy cứu TNHS là thời hạn được ghi nhận trong pháp luật hình sự thực định của mỗi quốc gia mà khi kết thúc thời hạn đó thì người phạm tội không thể bị truy cứu TNHS.

Thời hiệu truy cứu TNHS được quy định cụ thể tại Điều 27 BLHS năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017). Hết thời hiệu truy cứu TNHS không có nghĩa là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không bị coi là tội phạm nữa. Nhưng vì thời hiệu truy cứu TNHS đã hết, trong khoảng thời gian đó họ đã không phạm tội mới, đã ăn năn hối cải. Trong trường hợp này theo quy định của BLHS họ không phải chịu TNHS nữa. Việc pháp luật quy định như vậy nhằm thể hiện tinh thần và giá trị nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam. Vì vậy, nếu khi hết thời hiệu truy cứu TNHS tội phạm mới bị phát hiện, khởi tố, điều tra thì CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra.

- Khi người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần thực hiện thủ tục tái thẩm đối với người khác;

Mục đích của hình phạt đối với người phạm tội luôn có hai mục đích chính là trừng trị và cải tạo, giáo dục. Khi người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, việc truy cứu TNHS đối với họ không cần thiết vì lúc này mục đích của hình phạt không đạt được và thậm chí còn có thể gây thêm những tổn thương về mặt tinh thần cho thân nhân của họ. Do đó, nếu vụ án đang trong giai đoạn điều tra mà người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết thì CQĐT không được tiến hành các hoạt động điều tra nữa mà phải ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án (trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác).

- Các tội phạm được quy định tại khoản 1 các Điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của BLHS mà bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu khởi tố

(3) Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện hành vi phạm tội tại điểm b, Khoản 1, Điều 230 BLTTHS 2015. Thời hạn điều tra ở đây đã bao gồm cả thời gian thực hiện việc gia hạn điều tra vụ án mà các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn không đủ các căn cứ để nhằm chứng minh bị can hoặc người nào khác đã thực hiện hành vi phạm tội.

Thời hạn điều tra chính là thời hạn được pháp luật quy định mà trong khoảng thời gian này cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp điều tra để nhằm xác định sự thật vụ án và làm rõ những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự. Hết thời hạn điều tra ở đây được hiểu là hết thời hạn điều tra tối đa mà BLTTHS quy định cho CQĐT được phép tiến hành các hoạt động điều tra.

Nguyên tắc xác định sự thật vụ án là một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự. Pháp luật quy định việc trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các Cơ quan tiến hành tố tụng; đối với bị can, bị cáo có quyền nhưng không có trách nhiệm buộc phải chứng minh là mình vô tội. Trong thực tế có những người thực sự đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng CQĐT không thu thập được tài liệu để chứng minh hành vi phạm tội của họ, thì mặc nhiên theo pháp luật họ là người vô tội.

Ngoài ra, hoạt động điều tra có thời hạn theo luật định, do vậy khi đã hết thời hạn điều tra (bao gồm cả thời gian gia hạn điều tra) mà không chứng minh được bị can thực hiện tội phạm, thì Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra.

- **Thứ hai:** Đình chỉ theo quy định của pháp luật hình sự

Theo quy định tại Điều 16, Điều 29 và Khoản 2 Điều 93 BLHS năm 2015, khi có một trong những căn cứ miễn trách nhiệm hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng đều ban hành Quyết định đình chỉ điều tra. Theo đó có thể hiểu miễn trách nhiệm hình sự là một chế định thể hiện tính nhân đạo của luật hình sự Việt Nam và được thể hiện bằng việc xóa bỏ hậu quả pháp lý của việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm đối với các đối tượng bị coi là có lỗi trong việc thực hiện hành vi này. Tuy nhiên các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự cần phải đáp ứng những căn cứ pháp lý cụ thể luật định đề từ đó mà các cơ quan tố tụng sẽ áp dụng một cách thận trọng và chính xác, khách quan khi ban hành các quyết định đình chỉ.

Người phạm tội sẽ được miễn trách nhiệm hình sự khi thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- *Miễn trách nhiệm hình sự là việc do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Căn cứ theo quy định tại Điều 16 BLHS)*

Việc chấm dứt thực hiện tội phạm này chỉ có thể xảy ra đối với trường hợp tội phạm được thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội hoặc giai đoạn phạm tội chưa đạt và chưa hoàn thành. Việc chấm dứt thực hiện ý định hoặc hành vi phạm tội của người phạm tội cần phải tự nguyện và dứt khoát, do chính bản thân người phạm tội có ý định và hành vi này. Và không phải tạm thời dừng lại chốc lát để nhằm chờ cơ hội khác thuận lợi hay chuẩn bị kỹ lưỡng sẽ tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

- *Việc miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 29 BLHS, theo đó:*

- + Do sự thay đổi về chính sách và pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn gây nguy hiểm cho xã hội. Tất cả các mặt của đời sống xã hội như: chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật... luôn vận động và thay đổi theo sự phát triển

của đất nước, theo thực tiễn áp dụng pháp luật trên thực tế. Nói cách khác, sự thay đổi chính sách, pháp luật bắt nguồn từ chính sự chuyển biến tình hình xã hội, sự chuyển biến về tất cả các mặt của đời sống. Căn cứ để xác định việc này là do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa là các quy định của Nhà nước có liên quan đến hành vi phạm tội này như Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác liên quan. Cần lưu ý, trong trường hợp này, bản thân người phạm tội không có sự biến đổi nào, khi phạm tội họ là người như thế nào thì nay vẫn như vậy nhưng do chính sách, pháp luật thay đổi nên hành vi của họ không còn được coi là hành vi nguy hiểm cho xã hội nữa. Nguyên nhân làm cho hành vi của họ không còn nguy hiểm cho xã hội nữa chính là do chính sách quy định của pháp luật thay đổi và không phải do nỗ lực của chính bản thân họ. Trước khi có sự thay đổi chính sách pháp luật, người đó là đối tượng nguy hiểm cho xã hội, đáng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của họ. Sau khi có sự thay đổi chính sách pháp luật thì người này đã không còn là phần tử nguy hiểm cho xã hội nữa.

+ Khi người thực hiện hành vi phạm tội tự thú trước khi hành vi phạm tội bị phát giác. Người tự thú được miễn trách nhiệm hình sự khi có đủ những điều kiện sau: Tội phạm mà người tự thú đã thực hiện chưa bị phát giác, tức là chưa ai biết có tội phạm xảy ra hoặc có biết nhưng chưa biết ai là thủ phạm; người tự thú phải khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm; cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm.

+ Người phạm tội có quyết định đại xá. Đại xá được hiểu là việc miễn trách nhiệm hình sự đối với một loại tội phạm hay một người phạm tội nhất định. Khi có quyết định đại xá thì người thực hiện những tội phạm được đại xá và không phải chịu trách nhiệm hình sự, đồng thời họ cũng không phải chịu toàn bộ hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm gây ra.

+ Khi tiến hành thực hiện việc điều tra, truy tố, xét xử người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 29 BLHS năm 2015.

- *Việc miễn trách nhiệm hình sự theo các căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 91 BLHS:*

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì người chưa thành niên được hiểu là người chưa đủ mười tám tuổi. Theo đó, người chưa thành niên là người chưa có sự phát triển đầy đủ cả về mặt thể chất và tinh thần như người trưởng thành và được cụ thể hoá bằng một giới hạn độ tuổi trong các văn bản pháp luật mà nhà nước quy định. Như vậy, có thể thấy người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi; đồng thời chưa phát triển hoàn thiện cả về mặt thể chất và tinh thần; chưa có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý như người đã thành niên. Còn theo Điều 1 của Công ước quốc tế về quyền trẻ em có quy định: Trong phạm vi Công ước này; trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi; trừ trường hợp luật pháp áp dụng đối với trẻ em có quy định tuổi thành niên sớm hơn.

Như vậy, có thể thấy pháp luật Việt Nam hiện hành hoàn toàn phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, qua đó thể hiện pháp luật nước ta đã phân nào đảm bảo quyền và nghĩa vụ của mình.

Quy định tại Khoản 2, Điều 93 BLHS xuất phát từ đặc điểm tâm sinh lý của người chưa đủ 18 tuổi là những người chưa nhận thức được hết mọi hành vi nguy hiểm cho xã hội do mình gây ra cũng như hậu quả của nó. Do đó, nếu hành vi nguy hiểm cho xã hội do người chưa đủ 18 tuổi thực hiện bị khởi tố, điều tra là những tội phạm ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng nếu có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc tổ chức nhận giám sát giáo dục thì CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra đối với họ. Quy định này của Bộ luật TTHS thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước đối với tội phạm là người chưa đủ 18 tuổi phạm tội.

Như vậy, đối với ba trường hợp đình chỉ điều tra thì CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra khi xuất hiện một trong những căn cứ đó mà không phụ thuộc vào việc thời hạn điều tra đã hết hay chưa. Trong trường hợp này thời điểm ra quyết định đình chỉ điều tra là khi đã hết thời hạn điều tra. Khi khởi tố vụ án hình sự, do mới có một số tài liệu xác định dấu hiệu của tội phạm từ những nguồn tin báo ban đầu nên quyết định khởi tố vụ án của CQĐT có thẩm quyền mới chỉ sơ bộ xác định

được tội danh qua biểu hiện ở mặt khách quan của tội phạm mà phần lớn chưa xác định ngay được người phạm tội. Sau khi khởi tố vụ án, CQĐT áp dụng các hoạt động điều tra cần thiết nhằm xác định cụ thể tội phạm và người thực hiện tội phạm. Nhưng nếu hết thời hạn điều tra mà CQĐT vẫn không chứng minh được lập luận, nhận thức ban đầu của mình là đúng thì CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can đó nhằm tránh xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, nhất là trong những trường hợp bị can đang bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

2.1.2.2. Quy định về thẩm quyền đình chỉ điều tra

Vụ án đang trong giai đoạn điều tra thì theo mô hình tố tụng xét hỏi và quy định về tổ chức các CQĐT thì cơ quan có thẩm quyền điều tra sẽ có quyền ra Quyết định đình chỉ điều tra.

Theo Điều 230 BLTTHS quy định CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra trong những trường hợp theo luật định.

Trong lịch sử lập pháp nói chung và xây dựng BLTTHS nói riêng, việc quy định cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra cũng được coi là một cải cách quan trọng trong tố tụng hình sự. BLTTHS năm 1988 quy định cả CQĐT và Viện kiểm sát đều có thẩm quyền ra Quyết định đình chỉ điều tra (Điều 139 và Điểm c Khoản 3 Điều 141 BLTTHS năm 1988). Việc quy định như vậy đã dẫn tới việc có nhiều trường hợp CQĐT và Viện kiểm sát ùn đẩy trách nhiệm cho nhau trong việc xem xét căn cứ và ra Quyết định đình chỉ điều tra hoặc dẫn tới trường hợp cả hai cơ quan cùng ra Quyết định đình chỉ điều tra. Để khắc phục tình trạng này, Điều 164 BLTTHS năm 2003 đã thu hẹp thẩm quyền ra Quyết định đình chỉ điều tra chỉ còn CQĐT, góp phần tránh chồng chất thẩm quyền như BLTTHS trước đó. Quy định này được BLTTHS năm 2015 kế thừa nguyên vẹn.

Theo quy định ở khoản 2 và khoản 3 của Điều 36 BLTTHS: Khi thực hiện việc điều tra vụ án hình sự thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

"2.....g) Quyết định tạm đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định phục hồi điều tra;

3. Khi được phân công điều tra vụ án hình sự, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại khoản 2 Điều này."

Như vậy, theo quy định của BLTTHS năm 2015, cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định đình chỉ điều tra chỉ có thể là CQĐT, người có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ điều tra là Thủ trưởng CQĐT hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT được phân công điều tra vụ án hình sự.

2.1.2.3. Quy định về trình tự, thủ tục ra quyết định đình chỉ điều tra

Khi có căn cứ để đình chỉ điều tra, CQĐT làm bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra, trong đó:

- Bản kết luận điều tra cần phải được ghi cụ thể ngày, tháng, năm, họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra kết luận (Theo Khoản 3 Điều 232 BLTTHS).

- Quyết định đình chỉ điều tra vụ án là văn bản pháp lý làm chấm dứt mọi hoạt động điều tra vụ án. Trong vụ án đồng phạm hoặc phạm nhiều tội có nhiều bị can, nếu có căn cứ để đình chỉ điều tra một bị can nhưng không liên quan đến tất cả các bị can, thì có thể đình chỉ điều tra đối với từng bị can. Quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can là văn bản pháp lý làm chấm dứt mọi hoạt động điều tra đối với bị can đó nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động điều tra đối với các bị can khác. Căn cứ để đình chỉ điều tra bị can trong vụ án nhưng lại có ảnh hưởng đến việc điều tra đối với các bị can khác thì không được đình chỉ điều tra.

Quyết định đình chỉ điều tra phải ghi rõ thời gian, địa điểm ban hành quyết định, lý do và căn cứ đình chỉ điều tra và những vấn đề khác có liên quan. Do căn cứ để đình chỉ điều tra trong mỗi trường hợp khác nhau là không giống nhau nên quyết định đình chỉ điều tra đối với từng trường hợp cũng phải ghi rõ việc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn và việc trả lại đồ vật, tài liệu đã tạm giữ. Trong Quyết định đình chỉ điều tra phải ghi rõ những vấn đề trên là để Viện kiểm sát kiểm tra xem các căn cứ mà CQĐT áp dụng khi đình chỉ điều tra có đúng theo quy định tại Điều 234 BLTTHS hay không từ đó có quyết định đồng ý hay hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra của CQĐT. Quy định này cũng giúp cho Viện kiểm sát xem xét các biện pháp ngăn chặn đã áp dụng, các đồ vật, tài liệu CQĐT đã giữ trong quá trình điều

tra đối với bị can (nếu có) đã được hủy bỏ, trả lại chưa, nếu chưa thì yêu cầu CQĐT hủy bỏ biện pháp ngăn chặn để trả tự do và trả lại các đồ vật, tài liệu đã tạm giữ (nếu có) cho bị can.

Sau khi ra Quyết định đình chỉ điều tra, CQĐT phải gửi quyết định đình chỉ điều tra cho Viện kiểm sát cùng cấp và báo cho bị can, người bào chữa, người bị hại biết. Việc gửi Quyết định đình chỉ điều tra như trên góp phần đảm bảo cho những bên liên quan được biết về tiến trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Nếu Quyết định đình chỉ điều tra của CQĐT là có căn cứ thì trong thời hạn cụ thể là mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định đình chỉ điều tra, Viện kiểm sát phải trả hồ sơ vụ án cho CQĐT để CQĐT tiến hành giải quyết theo thẩm quyền. Đồng thời nếu nhận thấy Quyết định đình chỉ điều tra của CQĐT là không có căn cứ thì Viện kiểm sát thực hiện việc hủy bỏ Quyết định đình chỉ điều tra và đồng thời yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra. Nếu thấy bị can đủ căn cứ để truy tố thì hủy bỏ Quyết định đình chỉ điều tra và ra quyết định truy tố theo quy định của pháp luật. Trên thực tế, để đảm bảo cho vụ án được giải quyết một cách khách quan, toàn diện, xử lý kịp thời, nghiêm minh, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, trong quá trình điều tra, nếu xác định có căn cứ để đình chỉ điều tra, thì trước khi CQĐT ra Quyết định đình chỉ điều tra, Điều tra viên phải phối hợp trao đổi với Kiểm sát viên rà soát lại các tài liệu của vụ án và các căn cứ đình chỉ điều tra để hạn chế tối đa việc CQĐT ra Quyết định đình chỉ điều tra không đúng căn cứ theo quy định của pháp luật, không chính xác theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, dẫn đến việc khi CQĐT ra Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố và chuyển cùng toàn bộ hồ sơ sang Viện kiểm sát thì Viện kiểm sát phát hiện ra các sai sót trên nên ra Quyết định hủy bỏ Quyết định đình chỉ điều tra của CQĐT.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố bảo đảm mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện, xử lý kịp thời, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; bảo đảm việc điều tra khách quan chính xác, đúng pháp luật, những vi phạm

pháp luật trong quá trình điều tra phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh. Các Quyết định đình chỉ điều tra của CQĐT có ảnh hưởng rất lớn tới việc giải quyết vụ án, quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ sẽ dẫn đến trường hợp bỏ lọt tội phạm, nhưng thẩm quyền ra quyết định đình chỉ điều tra chỉ thuộc về CQĐT. Do đó, việc kiểm sát các Quyết định đình chỉ điều tra là vô cùng quan trọng và cần thiết.

2.1.3. Quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra đối với pháp nhân thương mại (Điều 443)

Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại lần đầu tiên được quy định trong BLHS, đánh dấu bước phát triển mang tính đột phá trong chính sách và tư duy lập pháp hình sự của Nhà nước ta. Điều này đã làm thay đổi tư duy về tính truyền thống về tội phạm và hình phạt, đáp ứng yêu cầu đấu tranh chống các hành vi phạm tội do pháp nhân thương mại thực hiện ở Việt Nam trong những năm gần đây, tạo cơ sở pháp lý trong hợp tác quốc tế, trong đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Trên nguyên tắc việc truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân dựa trên hành vi của người đại diện pháp nhân, do đó về cơ bản các quy định hiện hành trong BLHS để xử lý hành vi phạm tội của cá nhân được áp dụng để xử lý trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại. Điều này có nghĩa là trong quá trình xử lý pháp nhân thương mại phạm tội. Cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng những quy định có tính chất đặc thù đối với pháp nhân, đồng thời áp dụng những quy định khác không trái với quy định về việc xử lý pháp nhân thương mại phạm tội. Việc tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra đối với pháp nhân thương mại phạm tội cũng được áp dụng tương tự như đối với cá nhân phạm tội, có loại trừ tính đặc thù chỉ có cá nhân mới có như: Chưa xác định được bị can ở đâu, bị can bị mắc bệnh tâm thần (đối với tạm đình chỉ điều tra), tuổi chịu trách nhiệm hình sự, người phạm tội bị chết, theo yêu cầu của bị hại...(đối với đình chỉ điều tra).

Thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra đối với pháp nhân thương mại phạm tội được quy định đầy đủ hơn so với quy định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra đối với cá nhân phạm tội. Ngoài CQĐT, pháp luật còn quy định cả các

cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ và Quyết định đình chỉ điều tra.

2.1.4. Đánh giá quy định của pháp luật hiện hành về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

Nhìn chung, pháp luật tố tụng hình sự hiện hành đã quy định khá chi tiết và đầy đủ về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra trên các phương tiện căn cứ pháp lý, thẩm quyền và trình tự thủ tục. Tuy nhiên đây chỉ là những quy định được trình bày trong BLTTHS. Để thể chế thực tiễn áp dụng cần quy định chi tiết cụ thể hơn thông qua các văn bản hướng dẫn chỉ đạo thi hành về tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án.

Hiện nay mới chỉ có một số văn bản quy định chi tiết một phần nhỏ trong chế định tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra mà chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết chuyên sâu cho chế định này. Điều này gây khó khăn cho các cán bộ, Điều tra viên, kiểm sát viên khi tiến hành áp dụng pháp luật gặp không ít vướng mắc và khó khăn. Bên cạnh đó, các trường hợp đặc biệt khó áp dụng pháp luật về tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra cũng cần được các Cơ quan tiến hành dự trù soạn thảo các văn bản hướng dẫn chi tiết để các trường hợp đó xảy ra trên thực tế thì những người tiến hành tố tụng không cần mất thời gian xin chỉ đạo giải quyết hoặc áp dụng pháp luật không đúng gây ra các oan, sai, trái pháp luật của người tiến hành tố tụng.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự

2.2.1. Khái quát thực tiễn áp dụng pháp luật về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

Theo số liệu thống kê của Cục thống kê tội phạm – Viện kiểm sát nhân dân tối cao, từ năm 2013 đến năm 2019 trên phạm vi cả nước, CQĐT các cấp:

- Đã thụ lý điều tra 593365 vụ/ 882867 bị can, đã tạm đình chỉ điều tra 73261 vụ/ 13232 bị can, chiếm tỷ lệ 12,46% về số vụ và 1,47% về số bị can.
- Đã kết thúc điều tra 415602 vụ/ 711802 bị can, đã đình chỉ điều tra 13032 vụ/ 15181 bị can, chiếm tỷ lệ 3,23% về số vụ và 1,98% về số bị can.

• *Tạm đình chỉ điều tra*

Bảng 2.1. Bảng thống kê số vụ, số bị can CQĐT các cấp đã thụ lý điều tra và tạm đình chỉ điều tra (2013- 06 tháng đầu năm 2019) [38,39,40,41,42,43]

Năm	Đã thụ lý điều tra		Tạm đình chỉ điều tra		Tỷ lệ %	
	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can
2013	94982	151786	9891	3035	10,41	2,00
2014	97097	150476	11434	2468	11,78	1,64
2015	91630	138805	11807	1461	13,89	1,05
2016	87792	128236	10865	1933	12,38	1,51
2017	86325	121714	11568	1737	13,40	1,43
2018	84103	117728	12012	1618	14,28	1,37
06 tháng đầu năm 2019	51436	74122	6684	980	12,99	1,32
Tổng	593365	882867	73261	13232	12,46	1,47

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm – Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Qua bảng thống kê trên cho thấy số lượng án/ bị can mà CQĐT tạm đình chỉ điều tra có sự thay đổi theo từng năm. Cụ thể:

- Năm 2013 CQĐT tạm đình chỉ điều tra 9891 vụ/ 3035 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can tạm đình chỉ điều tra trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã thụ lý điều tra tương ứng là 10,41% và 2,00%;

- Năm 2014 CQĐT tạm đình chỉ điều tra 11434 vụ/ 2468 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can tạm đình chỉ điều tra trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã thụ lý điều tra tương ứng là 11,78% và 1,64%;

- Năm 2015 CQĐT tạm đình chỉ điều tra 11807 vụ/ 1461 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can tạm đình chỉ điều tra trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã thụ lý điều tra tương ứng là 12,89% và 1,05%;

- Năm 2016 CQĐT tạm đình chỉ điều tra 10865 vụ/ 1933 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can tạm đình chỉ điều tra trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã thụ lý điều tra tương ứng là 12,38% và 1,51%;

- Năm 2017 CQĐT tạm đình chỉ điều tra 11568 vụ/ 1737 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can tạm đình chỉ điều tra trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã thụ lý điều tra tương ứng là 13,40% và 1,42%;

- Năm 2018 CQĐT tạm đình chỉ điều tra 12012 vụ/ 1618 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can tạm đình chỉ điều tra trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã thụ lý điều tra tương ứng là 14,28% và 1,32%;

- 06 tháng đầu năm 2019 CQĐT tạm đình chỉ điều tra 6684 vụ/ 980 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can tạm đình chỉ điều tra trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã thụ lý điều tra tương ứng là 12,99% và 1,4%;

• *Đình chỉ điều tra:*

Bảng 2.2. Bảng thống kê số vụ, số bị can CQĐT các cấp đã kết thúc điều tra và đình chỉ điều tra (2013- 06 tháng đầu năm 2019) [38,39,40,41,42,43]

Năm	Đã kết thúc điều tra		Đình chỉ điều tra		Tỷ lệ %	
	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can
2013	69577	124124	1647	2054	2,37	1,65
2014	68670	122103	2069	2283	3,01	1,87
2015	64664	113407	1763	2045	2,73	1,80
2016	63205	107135	2176	3321	3,44	3,10
2017	61333	100766	2121	2163	3,46	2,15
2018	60049	94353	2096	2132	3,49	2,26
06 tháng đầu năm 2019	28104	49914	1160	1183	4,12	2,37
Tổng	415602	711802	13032	15181	3,23	1,98

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm – Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Qua bảng thống kê số vụ và số bị can CQĐT các cấp kết thúc điều tra và đình chỉ điều tra cho thấy số lượng án/ bị can mà CQĐT đình chỉ điều tra có xu hướng thay đổi theo từng năm. Cụ thể:

- Năm 2013 CQĐT đình chỉ điều tra 1647 vụ/ 2054 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã kết thúc điều tra tương ứng 2,37% và 1,65%;

- Năm 2014 CQĐT đình chỉ điều tra 2069 vụ/ 2283 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã kết thúc điều tra tương ứng 3,01% và 1,87%;

- Năm 2015 CQĐT đình chỉ điều tra 1763 vụ/ 2045 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã kết thúc điều tra tương ứng 2,73% và 1,80%;

- Năm 2016 CQĐT đình chỉ điều tra 2176 vụ/ 3321 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã kết thúc điều tra tương ứng 3,44% và 3,01%;

- Năm 2017 CQĐT đình chỉ điều tra 2121 vụ/ 2163 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã kết thúc điều tra tương ứng 3,46% và 2,15%;

- Năm 2018 CQĐT đình chỉ điều tra 2096 vụ/ 2132 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã kết thúc điều tra tương ứng 3,49% và 2,26%;

- 06 tháng đầu năm 2019 CQĐT đình chỉ điều tra 1160 vụ/ 1183 bị can, đạt các tỷ lệ số vụ án, số bị can trên tổng số vụ án, số bị can mà CQĐT đã kết thúc điều tra tương ứng 4,12% và 2,37%;

2.2.2. Đánh giá việc áp dụng pháp luật về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

2.2.2.1. Kết quả đạt được trong việc áp dụng pháp luật tố tụng hình sự về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

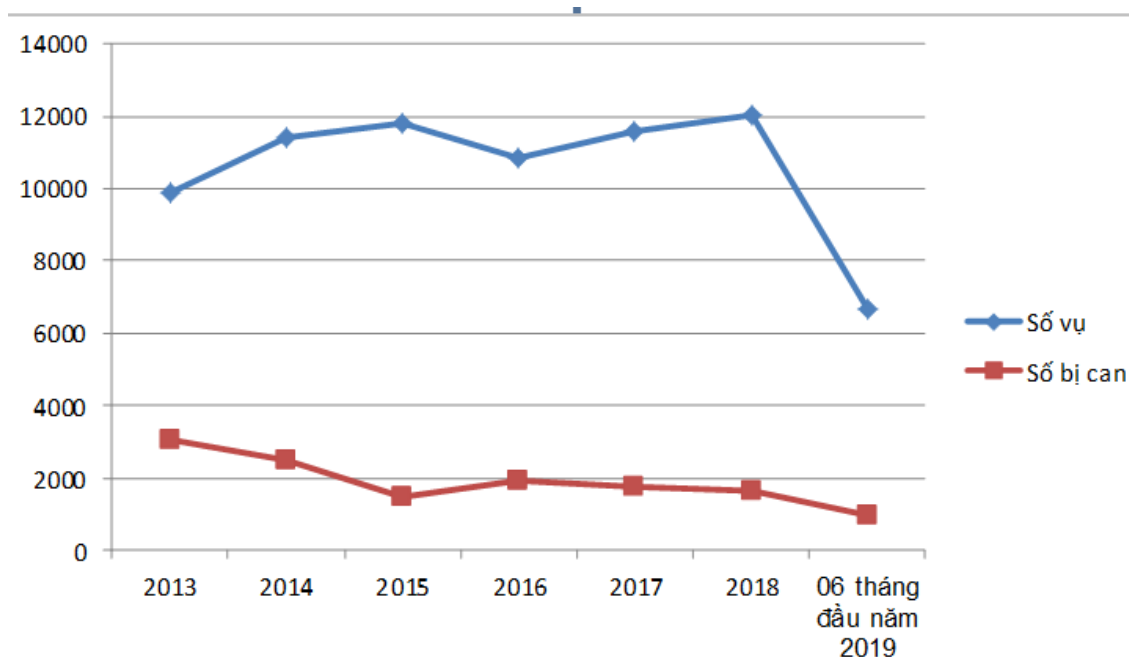
Nhìn chung, trong những năm gần đây (2013 – 06 tháng đầu năm 2019), CQĐT các cấp đã thực hiện tương đối tốt các quy định về tạm đình chỉ điều tra và đình chỉ điều tra. Các quyết định tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra ngày càng tiến tới đảm bảo các căn cứ, đúng pháp luật, góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, người bị hại. Bên cạnh đó, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc kiểm sát các Quyết định tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra của CQĐT cũng được lưu ý, tiến tới đảm bảo CQĐT ra các Quyết định tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra khách quan, có căn cứ, đúng pháp luật, đúng thủ tục và kịp thời; đồng

thời nhanh chóng phát hiện những sai phạm của CQĐT trong tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra để kịp thời hủy bỏ các Quyết định sai phạm, yêu cầu phục hồi điều tra theo thẩm quyền để vụ án được giải quyết nhanh chóng, chính xác và đảm bảo hiệu quả.

• *Tạm đình chỉ điều tra*

Có thể nhận thấy, số vụ án CQĐT tạm đình chỉ điều tra có xu hướng tăng dần trong những năm gần đây, trừ giai đoạn 2015 – 2016 có sự biến động theo xu hướng giảm là do sự thay đổi của pháp luật tố tụng hình sự. BLTTHS năm 2015 có hiệu lực thay thế BLTTHS năm 2003, tuy có nhiều điểm mới ưu việt hơn so với BLTTHS 2003 nhưng vẫn cần một khoảng thời gian nhất định cho sự thay đổi này, nhất là đối với các vụ án được giải quyết trong giai đoạn chuyển giao pháp luật này. Mặc dù vậy, không thể phủ nhận trong thời gian qua CQĐT đã có nhiều cố gắng trong công tác tạm đình chỉ điều tra, hầu hết các vụ án đều được tạm đình chỉ có căn cứ đúng pháp luật, kịp thời, đúng trình tự thủ tục, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị can và những người liên quan.

Hình 2.1. Diễn biến số vụ, số bị can CQĐT các cấp đã tạm đình chỉ điều tra (2013 – 06 tháng đầu năm 2019)



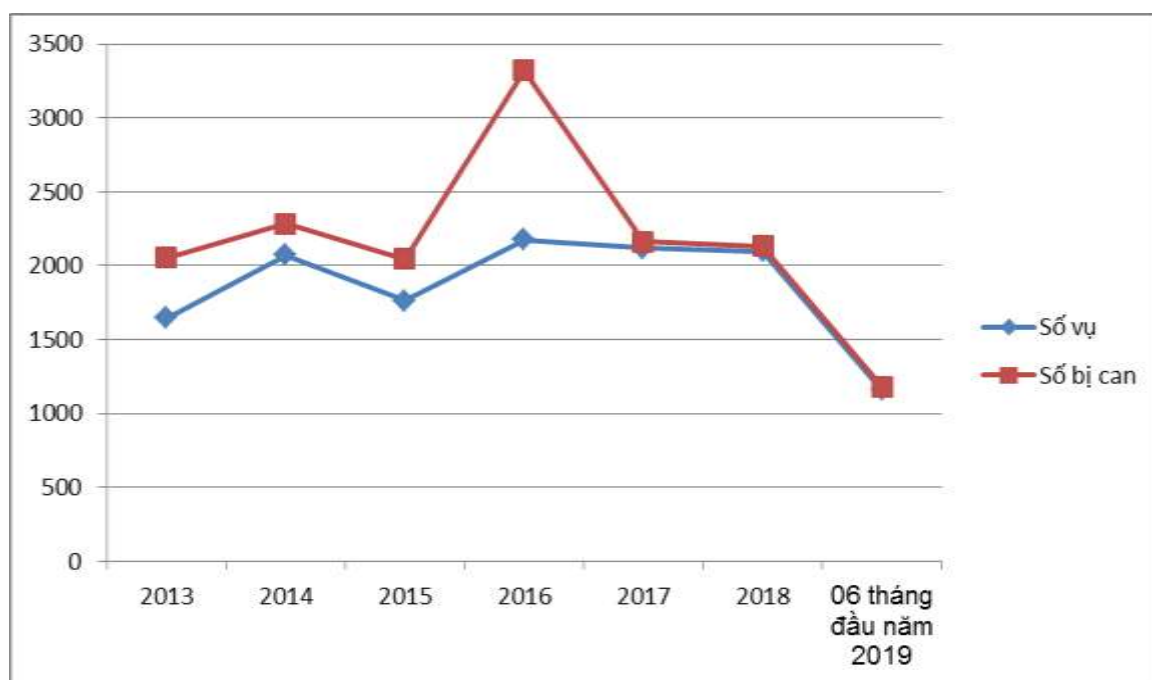
Như đã phân tích ở Chương 1, tạm đình chỉ điều tra là một chế định quan trọng trong tố tụng hình sự Việt Nam. Việc kế thừa BLTTHS năm 2003 về chủ thể

có thẩm quyền ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra chỉ là CQĐT thay vì bao gồm cả Viện kiểm sát như các BLTTHS trước đó, cũng như những quy định bổ sung về những người được nhận, được thông báo về Quyết định tạm đình chỉ điều tra, những quy định chi tiết về trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc kiểm sát những Quyết định tạm đình chỉ điều tra của CQĐT góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về tạm đình chỉ điều tra trên thực tế. Điều này thể hiện ở chính xu hướng tăng dần số án tạm đình chỉ điều tra của CQĐT qua các năm, được thể hiện trong Biểu đồ diễn biến số vụ, số bị can CQĐT các cấp đã tạm đình chỉ điều tra (2013 – 06 tháng đầu năm 2019). Các vụ án hình sự từ khi khởi tố được Kiểm sát viên quan tâm, phối hợp sát sao cùng Điều tra viên để xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đánh giá nhìn nhận vụ án ở những góc độ khác nhau, từ đó sớm phát hiện các căn cứ tạm đình chỉ điều tra để CQĐT ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra đúng thủ tục, kịp thời, đúng pháp luật. Đây chính là sự chuyển mình của hoạt động tạm đình chỉ điều tra đang ngày càng được chú trọng, quan tâm; vấn đề tạm đình chỉ điều tra được quy định trong BLTTHS cùng ngày càng cụ thể, dễ dàng hơn cho việc áp dụng pháp luật tố tụng trên thực tiễn nói chung và việc áp dụng pháp luật về tạm đình chỉ điều tra nói riêng.

- *Đình chỉ điều tra*

Qua bảng thống kê số vụ, số bị can CQĐT các cấp đã kết thúc điều tra và đình chỉ điều tra (2013 – 2019) có thể thấy: số vụ án bị đình chỉ điều tra hàng năm có xu hướng tăng dần, các vụ án được đình chỉ có căn cứ theo luật định, đúng thủ tục trình tự, đúng thẩm quyền. Thực tế này phản ánh được sự quan tâm chú trọng trong việc giải quyết vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng, kịp thời đình chỉ điều tra khi phát sinh những căn cứ theo luật định để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can, đảm bảo vụ án được giải quyết nhanh chóng, công minh. Bên cạnh đó, cũng chứng tỏ CQĐT có trách nhiệm hơn trong công tác điều tra, hạn chế việc né tránh khi có những sai phạm trong điều tra, kịp thời khắc phục những sai lầm trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự.

Hình 2.2. Biểu đồ diễn biến số vụ, số bị can CQĐT các cấp đã đình chỉ điều tra (2013 – 06 tháng đầu năm 2019)



2.2.2.2. Những hạn chế tồn tại trong việc áp dụng pháp luật tố tụng hình sự về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong việc thực hiện quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra của CQĐT trong thời gian qua như khắc phục được những sai lầm, hạn chế trong công tác khởi tố vụ án, khởi tố bị can của cơ quan tiến hành tố tụng, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị can thì việc thực hiện các quy định này trong thực tế vẫn còn bộc lộ một số điểm bất cập sau:

- **Thứ nhất**, vẫn còn tình trạng CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra không có căn cứ hoặc căn cứ không đúng:

Trong quá trình thực hiện chức năng kiểm sát việc tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra, Viện kiểm sát đã phát hiện có những quyết định tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra của CQĐT không đúng như không đúng thẩm quyền, không đúng thời hạn, không có căn cứ theo luật định. Trong những trường hợp này, Viện kiểm sát đã ra Quyết định hủy bỏ Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, trả hồ sơ, yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra và tiếp tục điều tra theo thẩm quyền. Điều này chứng tỏ

CQĐT vẫn chưa thực hiện tốt công tác tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra của mình.

Vụ án điển hình:

Vụ thứ nhất: [6]

Từ tháng 02/ 2004 đến tháng 08/ 2004 Trần Trung D đã nhận tiền của 15 người để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận sở hữu nhà, xin việc làm. Tổng cộng D đã nhận tiền là 49.350.000 đồng, D chỉ hưởng 1.950.000 đồng, còn lại D đưa cho Lê Văn L (thời điểm này là chủ tịch Ủy ban nhân dân phường). Theo kết luận điều tra thì Trần Trung D có quen biết với Lê Văn L, thời gian này do có nhiều người có nhu cầu làm các giấy tờ về đất, xin việc,... D nói với ông L tạo điều kiện thì được ông L đồng ý và nói để ông nói với các cán bộ địa chính ở phường tạo điều kiện giúp đỡ. Sau khi nhận tiền nhưng ông L không giúp đỡ được D nên D đã bỏ trốn khỏi địa phương.

(1) Quá trình diễn biến tố tụng của vụ án:

- Ngày 03/11/2004 khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can D
- Ngày 04/02/2005 tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can.
- Ngày 17/02/2005 truy nã.
- Ngày 17/02/2016 bắt truy nã bị can D tại Tiền Giang.
- Ngày 23/02/2016 phục hồi điều tra vụ án, bị can.
- Ngày 20/04/2016 đề nghị gia hạn điều tra lần 1.
- Ngày 08 /07/2016 kết luận điều tra vụ án.
- Ngày 08/07/2016 ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án, bị can.

(2) Nội dung của kết luận điều tra ghi:

- Bị can Trần Trung D bỏ trốn nên không có căn cứ để làm việc với ông L, cơ quan điều tra căn cứ vào lời khai của các bị hại và các chứng cứ khác xác định hành vi của D đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 139 BLHS năm 1999.

- Hiện nay ông L đã chết (chết năm 2013) nên không làm việc được và không tiến hành đối chất được với Trần Trung D, nên không chứng minh được L và D có dùng thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác hay

không. Do vậy không truy cứu TNHS đối với ông L theo khoản 7 Điều 107 BLTTHS.

- Bị can D tin tưởng ông L có khả năng làm sổ đỏ và xin việc làm, đồng thời ông L hứa sẽ giúp bị can D, nên D đã nhận hồ sơ, sau đó ông L không giúp được nên đã ký cho D một hồ sơ xin việc để D bỏ trốn khỏi địa phương để đi xin việc làm ở nơi khác. Có đoạn ghi “sau khi chiếm đoạt số tiền trên, do ông L không giúp được ... nên Trần Trung D đã bỏ trốn khỏi địa phương”.

- Trong thời gian bỏ trốn D đã trả lại hết số tiền cho tất cả người bị hại, người bị hại đã rút đơn yêu cầu, hiện ông Lê Văn L đã chết, đồng thời do chuyển biến tình hình mà hành vi phạm tội của người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, nên miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can D. D bỏ trốn cuối năm 2004, không có căn cứ làm việc với ông L, năm 2013 ông L chết, năm 2016 mới bắt được bị can D theo lệnh truy nã. Vì vậy đến thời điểm kết luận điều tra vụ án (08/07/2016) cũng không làm việc được với ông L, nhưng CQĐT lại căn cứ vào lời khai của bị can D để kết luận ông L có liên quan đến vụ án là không khách quan, thiếu căn cứ. Cơ quan điều tra đã kết luận hành vi của D đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

(3) Xét về căn cứ đình chỉ:

Cơ quan điều tra căn cứ Khoản 3 Điều 7, Điều 29 BLHS 2015 và nghị quyết số 144/2016 ngày 29/06/2016 của Quốc hội và Khoản 1, 2 Điều 25 BLHS năm 1999 để ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án và bị can đối với Trần Trung D là không có căn cứ. Vì hành vi phạm tội của D không thuộc trường hợp được đình chỉ “*do chuyển biến tình hình*” như quy định tại khoản 3 Điều 7, Điều 29 BLHS 2015 và nghị quyết số 144/2016 ngày 29/6/2016 của Quốc hội và Khoản 1, 2 Điều 25 BLHS năm 1999.

Cơ quan điều tra kết luận hành vi của ông Lê Văn L (nguyên chủ tịch Ủy ban nhân dân phường giai đoạn năm 2004) có liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Trung D (chỉ căn cứ vào lời khai của D) ngoài ra không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh. Đồng thời CQĐT căn cứ vào Khoản 7 Điều 107 BLTTHS

năm 2003 (người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết) nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông L là nhận định đánh giá chủ quan, không có căn cứ pháp luật.

Kết luận điều tra ghi tổng số tiền bị can D chiếm đoạt là 49.350.000 đồng, nên kết luận Dung phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999 là chưa chính xác. Theo tài liệu có tại hồ sơ thì tổng số tiền bị can D chiếm đoạt của 15 người là 54.950.000 đồng chứ không phải 49.350.000 đồng. Do đó hành vi của D phạm tội phải theo quy định tại Khoản 2 Điều 139 BLHS mới chính xác.

Qua vụ án trên cho thấy những thiếu sót, sai phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng như: Việc điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ; việc xem xét đánh giá chứng cứ còn phiến diện chưa khách quan; kết luận hậu quả của tội phạm gây ra không chính xác, dẫn đến việc vận dụng căn cứ đình chỉ điều tra chưa đúng và có lợi cho người phạm tội.

Vụ thứ hai:[6]

Vào lúc 12 giờ 45 phút, ngày 12/01/2017, Đoàn biên phòng H bắt quả tang bà D (sinh năm 1970, trú tại: Th. B. 1, Ph. Th, Đ. Ph, Q.ng Ng) về hành vi buôn bán hàng cấm và thu giữ 61 kg pháo nổ tại nhà của bà D. Đoàn Biên phòng H đã ra quyết định tạm giữ hình sự đối với bà D để xác minh làm rõ vụ việc.

(1) Tang vật được thu giữ bao gồm:

- 17 hộp giấy (phong pháo hoa) kích thước (17x17x10)cm.
 - 27 hộp giấy (phong pháo hoa) kích thước (13,5x13,5x9)cm
- Tổng cộng là 44 hộp, có tổng trọng lượng là 61 kg.

Theo kết luận giám định số 40/KLGD - PC54 ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh đã kết luận 44 hộp đều là pháo hoa, có tổng trọng lượng là 61kg.

(2) Quá trình diễn biến tố tụng:

- Ngày 12/01/2017 Đoàn biên phòng H ra Quyết định tạm giữ đối với bà D về hành vi Tàng trữ hàng cấm.

- Ngày 15/01/2017, Đoàn Biên phòng H ra Quyết định gia hạn tạm giữ lần 1 đối với bà D và được Viện kiểm sát phê chuẩn.

- Ngày 17/01/2017, Đoàn Biên phòng H đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.Ph để giải quyết theo thẩm quyền.

- Ngày 18/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.Ph ra Quyết định gia hạn tạm giữ lần 2 đối với bà D và được Viện kiểm sát phê chuẩn.

- Ngày 20/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.Ph ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với bà D về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 BLHS đã được Viện kiểm sát huyện Đ. Ph phê chuẩn.

- Ngày 21/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Ph tiến hành ra Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn đối với bà D.

- Ngày 15/03/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.Ph kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát truy tố đối với bà D về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo Khoản 2 Điều 155 BLHS.

- Ngày 05/04/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ.Ph ban hành Cáo trạng truy tố bà D về tội: “*Buôn bán hàng cấm*” theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 BLHS và chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân huyện Đ.Ph để xét xử sơ thẩm.

- Ngày 16/05/2017, Tòa án nhân dân huyện Đ.Ph ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và trả hồ sơ cho Viện kiểm sát. Sau khi Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát thì Viện kiểm sát huyện Đ.Ph đã ban hành Quyết định đình chỉ vụ án và bị can đối với bà D theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 BLHS năm 1999.

Đối với vụ án này thì các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện do không cập nhật quy định mới của văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, đồng thời quy định của các văn bản dưới luật các Bộ, Ngành không thống nhất, mâu thuẫn cùng tồn tại ở một thời điểm nhưng không được sửa đổi bổ sung dẫn đến việc hiểu và vận dụng thiếu sự thống nhất đã dẫn đến việc khởi tố, truy tố oan, sai. Cụ thể:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Ph căn cứ hành vi của bà D thực hiện phạm tội vào thời điểm Đoàn Biên phòng H phát hiện bắt quả tang vào

ngày 12/01/2017. Đồng thời căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/06/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về “hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện” nên đã thống nhất khởi tố bà D về tội “Buôn bán hàng cấm” theo Khoản 2 Điều 155 BLHS. Nhưng theo quy định tại Điều 1 và phụ lục 4 Luật sửa đổi, bổ sung số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016 (Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2014) thì pháo nổ là mặt hàng cấm kinh doanh, còn việc kinh doanh các loại pháo khác là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Theo đó, việc bà D mua bán 61 kg pháo hoa (đã được giám định tại kết luận giám định số 40 ngày 16/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh) là hàng hóa kinh doanh có điều kiện, không phải là hàng cấm để xử lý hình sự về tội “Vận chuyển, mua bán hàng cấm” theo Điều 155 BLHS 1999.

Mặt khác, ngày 13/06/2017 Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 3) có Công văn số 2149/VKSTC-V3 hướng dẫn xử lý vướng mắc đối với pháo nổ, pháo hoa nổ. Khi xử lý phải căn cứ Nghị định 36/2009/NĐ-CP ngày 15/04/2009 quy định khái niệm thế nào là “pháo nổ”; Điều 1 Phụ lục 4 Luật đầu tư sửa đổi bổ sung số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016 của Quốc hội khóa XIV; hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao để vận dụng xử lý đối với tội “sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm” theo Điều 155 BLHS năm 1999.

(3) Về căn cứ thực hiện đình chỉ điều tra:

Đối với vụ án trên, Viện kiểm sát huyện Đ. Ph đã căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 BLHS năm 1999 vì do chuyển biến của tình hình và có sự thay đổi về chính sách pháp luật mà hành vi mua bán pháo hoa không còn nguy hiểm cho xã hội nữa nên đình chỉ vụ án và đình chỉ bị can đối bà D; căn cứ đình chỉ này không đúng quy định của pháp luật vì hành vi của bị can D không đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm”, do đó phải căn cứ Khoản 2 Điều 107 BLTTHS năm 2003 để đình chỉ vụ án và bị can mới đúng pháp luật.

• **Thứ hai**, CQĐT không phát hiện các căn cứ tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra trong giai đoạn điều tra nên vẫn ra bản kết luận điều tra và đề nghị Viện kiểm

sát truy tố. Trong giai đoạn truy tố, khi nghiên cứu hồ sơ, Viện kiểm sát đã phát hiện ra các căn cứ đó và đã ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án.

Thực tế, qua số liệu thống kê số vụ và số bị can Viện kiểm sát tạm đình chỉ và đình vụ án (2013 – 06 tháng đầu năm 2019), cho thấy: Số lượng án tạm đình chỉ và đình chỉ của Viện kiểm sát hàng năm mặc dù có xu hướng giảm nhưng còn ở mức cao

Bảng 2.3. Bảng thống kê số vụ và số bị can Viện kiểm sát tạm đình chỉ và đình chỉ vụ án (2013 – 06 tháng đầu năm 2019) [38,39,40,41,42,43]

Năm	Tạm đình chỉ vụ án		Đình chỉ vụ án	
	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can
2013	57	104	443	869
2014	61	87	451	807
2015	148	213	380	591
2016	88	132	647	1801
2017	36	60	634	896
2018	35	56	592	801
06 tháng đầu năm 2019	24	43	228	317
Tổng	449	695	3375	6082

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm – Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Trong đó, số án tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án giai đoạn 2015 – 2016 có biến động tăng vọt là do sự thay đổi về pháp luật, BLTTHS năm 2015 được ban hành và bắt đầu có hiệu lực quy định cụ thể, chi tiết, rõ ràng hơn các trường hợp tạm đình chỉ và đình chỉ, cũng như trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là CQĐT trong việc tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra.

Bảng 2.4. So sánh số vụ án tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra so với số vụ án tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án của Viện kiểm sát cùng cấp (2013 – 06 tháng đầu năm 2019) [38,39,40,41,42,43]

Cơ quan ra Quyết định	Tạm đình chỉ		Đình chỉ	
	Số vụ án	Tỷ lệ %	Số vụ án	Tỷ lệ %
Cơ quan điều tra	73261	99,39	13032	79,43
Viện kiểm sát	449	0,61	3375	20,57
Tổng số	73710	100	16407	100

Bên cạnh đó, theo bảng so sánh số vụ án tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra so với số vụ án tạm đình chỉ và đình chỉ vụ án của Viện kiểm sát các cấp (2013 – 06 tháng đầu năm 2019) thì số lượng án tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án của Viện kiểm sát không nhiều, tuy nhiên tỷ lệ số lượng án tạm đình chỉ và án đình chỉ của Viện kiểm sát hàng năm so với số lượng án tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra của CQĐT vẫn đang còn chiếm tỷ lệ cao: Số án Viện kiểm sát tạm đình chỉ chiếm khoảng 0,61 % và đình chỉ chiếm khoảng 20,57% so với tổng số án tạm đình chỉ và đình chỉ của hai ngành CQĐT và Viện kiểm sát. Thực tế này cho thấy thực trạng CQĐT vẫn chưa nêu cao trách nhiệm trong việc xem xét kỹ từng trường hợp, vẫn còn làm việc hời hợt, qua loa nên không phát hiện hết những căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, đã kết thúc điều tra chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đề nghị truy tố. Kết quả là Viện kiểm sát đã ra quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án đối với những trường hợp bỏ lọt của CQĐT. Vụ án điển hình:

Vụ án trộm cắp tài sản ở tỉnh H, nội dung vụ án như sau: Ngày 17/06/2008 Nguyễn Văn T ở tỉnh H bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K, tỉnh H khởi tố về tội trộm cắp tài sản theo Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung). Ngày 19/09/2008 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K tỉnh H chuyển hồ sơ vụ án cùng bản kết luận điều tra đề nghị truy tố Nguyễn Văn T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên được phân công kiểm sát vụ án phát hiện có bệnh án của Nguyễn Văn T về bệnh tâm thần đang trong thời gian điều trị. Bệnh án này được người nhà bệnh nhân nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H nhưng Điều tra viên được phân công điều tra vụ án này do sơ xuất đã không để ý tới bệnh án này lên đã không xem xét đề nghị với thủ trưởng CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra. Ngày 02/10/2008 Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh H đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với Nguyễn Văn T.

• **Thứ ba**, vẫn còn tồn tại nhiều trường hợp đình chỉ điều tra do bị can không phạm tội.

Đình chỉ điều tra ý nghĩa quan trọng không chỉ trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can trong các trường hợp bị can được miễn trách nhiệm hình sự, người bị hại rút yêu cầu khởi tố trong trường hợp khởi tố theo yêu cầu, kịp thời

khắc phục những sai lầm trong giai đoạn khởi tố và điều tra vụ án hình sự của CQĐT đối với trường hợp bị can không phạm tội; mà còn thể hiện ý nghĩa trong những năm vừa qua CQĐT đã chú trọng đến việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân như quyền được minh oan, quyền được bồi thường thiệt hại,.. Tuy nhiên, việc đình chỉ điều tra cũng thể hiện sự yếu kém của CQĐT trong việc giải quyết vụ án hình sự, dẫn đến làm oan người vô tội hay hết thời hạn điều tra mà CQĐT không chứng minh được tội phạm.

Hàng năm, vẫn còn tình trạng CQĐT đình chỉ điều tra do bị can không phạm tội hoặc hết thời hạn điều tra không chứng minh được tội phạm: Năm 2013 đình chỉ 46 bị can do không phạm tội và hết thời hạn điều tra không chứng minh được tội phạm, năm 2014 đình chỉ 33 bị can do không phạm tội, năm 2015 đình chỉ 13 bị can do không phạm tội và 66 bị can do hết thời hạn điều tra không chứng minh được tội phạm, năm 2016 đình chỉ 19 bị can do không phạm tội và 16 bị can do hết thời hạn điều tra không chứng minh được tội phạm, năm 2017 đình chỉ 14 bị can do không phạm tội và 14 bị can do hết thời hạn điều tra không chứng minh được tội phạm... Số liệu này phản ánh sự yếu kém của các Cơ quan tiến hành tố tụng, cụ thể là CQĐT và Viện kiểm sát, trong điều tra ngay từ đầu đã không đánh giá đúng các tình tiết của vụ án, không đánh giá đúng hành vi phạm tội nên đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Sau khi hết thời hạn điều tra, kết quả điều tra đã không chứng minh được bị can thực hiện tội phạm nên phải đình chỉ điều tra. Việc đình chỉ điều tra trong những trường hợp này thể hiện CQĐT đã làm oan người vô tội, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị can (Ví dụ: Khi bị khởi tố bị can, bị can có thể bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn như tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, mà nếu thực tế bị can không thực hiện hành vi phạm tội như CQĐT đã khởi tố thì bị can đã không bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn như trên).

Thực trạng án hình sự đình chỉ điều tra không phạm tội như trên đã gây bức xúc trong dư luận xã hội, gây ảnh hưởng rất lớn tới người bị oan và gia đình của họ, làm giảm niềm tin của nhân dân vào công lý; vào các cơ quan bảo vệ pháp luật, đồng thời gây nhiều hệ lụy khác về tổ chức cán bộ, gây hậu quả về thiệt hại vật

chất, phải bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong tổ tụng hình sự. Các vụ án hình sự bị đình chỉ điều tra thường là những vụ án kéo dài thời gian xử lý, thời hạn tạm giam đối với bị can gây tổn kém công sức, tiền bạc và gây khó khăn trong hoạt động tổ tụng hình sự, làm phát sinh một số điểm nóng ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương. Vụ án điển hình:

Tháng 10/2003, Trần M, Trần D và Ngô H giao kết hợp đồng với Phan Văn T. Phan Văn T có nhiệm vụ bảo vệ hồ cá Lộc Quang, Huyện L, tỉnh B, được trả công 600.000 Đồng một tháng và được giao cho một chiếc thuyền làm phương tiện bảo vệ. Đến tháng 04/2004, do lòng hồ rộng, nước sâu, đánh bắt cá không có hiệu quả nên Trần M và Trần D trở về tỉnh Đắc lăk sinh sống (Ngô H là dân ở địa phương). Hợp đồng bảo vệ hồ cá chấm dứt từ tháng 04/2004; Trần M, Trần D và Ngô H còn thiếu của Phan T 02 tháng tiền công. Phan T vẫn sử dụng chiếc thuyền đi lại, đánh lưới trên hồ Lộc Quang, đến tháng 07/2004 Phan T bán chiếc thuyền cho người khác được 600.000 Đồng. Lúc này, Ngô H làm đơn tố cáo Phan Văn T chiếm đoạt tài sản. CQĐT lấy lời khai ban đầu, đồng thời trưng cầu định giá chiếc thuyền Phan Văn T bán. Xác định giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.200.000 Đồng, Phan Văn T bị CQĐT khởi tố và tạm giam về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát, vì cho rằng Phan Văn T nhận được tài sản bằng hợp đồng rồi bán tài sản mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là dấu hiệu chiếm đoạt tài sản, vì đã thỏa mãn quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 140 BLHS: Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Tuy vậy, khi vụ án ở giai đoạn truy tố, Kiểm sát viên được phân công đã tiến hành phúc cung bị can, làm rõ động cơ, mục đích bán thuyền của Phan Văn T là để trừ nợ, làm rõ tình tiết khi chấm dứt hợp đồng. Trần M, Trần D và Ngô H không có ý kiến gì về chiếc thuyền Phan Văn T đang quản lý, kể cả sau đó hơn ba tháng: Lấy bổ sung lời khai của Trần M, Trần D: Cả hai cho rằng do còn thiếu tiền công nên không có ý kiến gì về việc Phan Văn T bán thuyền. Mặt khác, Viện kiểm sát kết luận hành vi bán tài sản của Phan Văn T

không trong thời gian đang thực hiện hợp đồng, mục đích của bên giao hợp đồng đối với bên nhận hợp đồng đã đạt được, do vậy không thể kết luận Phan Văn T vi phạm nghĩa vụ cam kết với bên giao hợp đồng. Như vậy, hành vi của Phan T không thỏa mãn dấu hiệu quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 140 BLHS như kết luận ban đầu đã khởi tố. Viện kiểm sát đã thực hiện việc ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với Phan Văn T.

2.2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế tồn tại trong việc thực hiện quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án hình sự

Thứ nhất, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ của những người làm công tác điều tra, những người tiến hành tố tụng hình sự còn hạn chế.

Một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra không đúng căn cứ theo luật định và trong giai đoạn truy tố Viện kiểm sát ra quyết định tạm đình chỉ và đình chỉ vụ án chiếm tỉ lệ cao đó là do trình độ, năng lực chuyên môn của các Cán bộ, Điều tra viên, Phó Thủ trưởng, Thủ trưởng CQĐT còn hạn chế, nhưng việc tập huấn triển khai thực hiện BLTTHS năm 2015 về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra chưa được chú ý, việc ra các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật chưa được kịp thời.

Nhiều trường hợp do năng lực Điều tra viên còn hạn chế, đã không phát hiện ra những căn cứ tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra như: khi thấy bị can có dấu hiệu của bệnh tâm thần không yêu cầu trưng cầu giám định; người bị hại trong trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại đã rút đơn yêu cầu,... vẫn tiến hành điều tra vụ án và kết thúc điều tra vẫn đề xuất với Thủ trưởng CQĐT ra bản kết luận điều tra đề nghị Viện kiểm sát truy tố. Thủ trưởng CQĐT khi nhận được đề xuất của Điều tra viên không nghiên cứu kỹ hồ sơ cho nên cũng không phát hiện được những căn cứ để ra Quyết định đình chỉ điều tra mà phê chuẩn đề xuất của Điều tra viên làm bản kết luận điều tra đề nghị Viện kiểm sát truy tố bị can. Khi hồ sơ vụ án được chuyển sang Viện kiểm sát, trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, Viện kiểm sát phát hiện ra các căn cứ tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát đã ra quyết định đình chỉ vụ án. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng

án tạm đình chỉ và đình chỉ của Viện kiểm sát chiếm tỉ lệ khá cao so với án tạm đình chỉ và đình chỉ của cả hai ngành.

Mặt khác, hàng năm các chuyên đề nghiệp vụ của hai ngành mới chỉ tập trung đi sâu vào phân các vụ án đình chỉ điều tra chỉ dừng lại ở việc theo dõi về số lượng, có đánh giá nhưng chưa tập trung đánh giá sâu về chất lượng công tác kiểm sát đối với các vụ án này. Công tác tổng kết thực tiễn, hướng dẫn chỉ đạo, đúc rút chuyên đề còn yếu chưa được quan tâm đúng mức. Trong nhiều năm qua, ngành kiểm sát vẫn chưa xây dựng được chuyên đề riêng biệt, cụ thể về khâu công tác này.

Thứ hai, sự chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra của lãnh đạo chưa quyết liệt, một số cán bộ điều tra, kiểm sát còn thiếu trách nhiệm trong công tác:

Số lượng án đình chỉ của Viện kiểm sát hàng năm còn chiếm tỷ lệ cao một phần là do CQĐT đã không làm tốt công tác điều tra của mình. Tinh thần trách nhiệm trong công tác điều tra của một số Cán bộ, Điều tra viên còn hạn chế, ý thức chủ quan trong việc đánh giá chứng cứ nên đã để xảy ra nhiều sai sót, không phát hiện được các căn cứ để tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, nhiều trường hợp làm oan người vô tội. Bên cạnh đó, một số Cán bộ, Điều tra viên, Thủ trưởng CQĐT bị cám dỗ, mua chuộc bởi lợi ích vật chất nên đã ra Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra không có căn cứ pháp luật, dẫn đến tình trạng Viện kiểm sát hủy các quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra không có căn cứ.

Ngoài ra, số lượng án bị đình chỉ do không phạm tội cũng không nhỏ. Việc các vụ án bị đình chỉ điều tra do hành vi không cấu thành tội phạm thuộc trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng ở các mức độ khác nhau, nhưng chủ yếu trách nhiệm thuộc Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Việc làm rõ trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đặc biệt là trách nhiệm của Viện kiểm sát, trên cơ sở đó tìm ra nguyên nhân và đề ra các giải pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng án hình sự bị đình chỉ điều tra do hành vi không cấu thành tội phạm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Trong tố tụng hình sự, CQĐT chịu trách nhiệm chính trong việc tiếp nhận, giải quyết tố

giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, thực hiện việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tiến hành các hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ, do vậy tình trạng án hình sự bị đình chỉ điều tra do hành vi không cấu thành tội phạm có trách nhiệm trước hết thuộc về lãnh đạo CQĐT và các Điều tra viên thụ lý vụ án. Trong thực tiễn, vì nhiều lý do khác nhau CQĐT xác minh tố giác, tin báo về tội phạm không đầy đủ, phối hợp chưa chặt chẽ với Viện kiểm sát để phân loại, xử lý ngay từ khi có kết quả xác minh thông tin tội phạm. Việc thu thập dấu vết, tài liệu, chứng cứ và việc lập hồ sơ vụ án hình sự còn nhiều thiếu sót, vi phạm. Đối với một số vụ án phức tạp, việc thu thập chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ còn thiếu tính khách quan và toàn diện.

Tuy nhiên Viện kiểm sát cũng phải chịu trách nhiệm chính việc để xảy ra tình trạng án hình sự bị đình chỉ điều tra do hành vi không cấu thành tội phạm. Bởi lẽ, trong tố tụng hình sự, Viện kiểm sát là cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố quyết định phê chuẩn khởi tố bị can, quyết định việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định việc truy tố người thực hiện hành vi phạm tội và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự ngay từ khi có dấu hiệu tội phạm xảy ra và trong suốt quá trình điều tra của CQĐT, nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Các Quy chế nghiệp vụ của ngành Kiểm sát cũng quy định cụ thể các thao tác nghiệp vụ trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Bên cạnh đó, công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo một số đơn vị chưa sâu sát, chưa thường xuyên kiểm tra hoạt động nghiệp vụ của cấp dưới, còn tình trạng buông lỏng quản lý công tác kiểm sát các vụ án tạm đình chỉ điều tra, chỉ đạo kiểm sát điều tra chưa tốt, không nắm hết các tình tiết vụ án, đánh giá chứng cứ còn yếu kém, áp dụng pháp luật còn nhầm lẫn. Không tổ chức nghiên cứu kỹ vụ án, bàn bạc tranh thủ ý kiến của cơ quan tố tụng, và thỉnh thị ý kiến chỉ đạo của cấp trên kịp thời đối với vụ án phức tạp.

• **Thứ ba**, việc xử lý người vi phạm pháp luật trong việc thực hiện tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra chưa nghiêm.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến những vi phạm pháp luật trong việc thực hiện các quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra của CQĐT có chiều hướng ra tăng là do một bộ phận cán bộ thoái hóa, biến chất, bị cám dỗ bởi các yếu tố vật chất, đã làm trái với quy định của pháp luật nhưng không bị xử lý một cách nghiêm khắc. Nhiều trường hợp CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ, bỏ lọt tội phạm đã bị Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra, yêu cầu phục hồi điều tra. Đáng lẽ phải có hình thức kỷ luật thích đáng như: Hạ cấp bậc, chuyển vị trí công tác,... để làm gương cho người khác nhưng CQĐT chỉ rút kinh nghiệm. Chính việc xử lý không nghiêm cán bộ vi phạm đã không răn đe và ngăn chặn kịp thời những biểu hiện thoái hóa, biến chất, vi phạm pháp luật.

• **Thứ tư**, Công tác phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong công tác điều tra và kiểm sát điều tra thiếu sự chặt chẽ.

Trong suốt quá trình điều tra thì sự trao đổi, phối hợp về việc giải quyết các chứng cứ, các tình tiết của vụ án giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chưa được thường xuyên liên tục, trong khi thời hạn điều tra thường khá dài (tối thiểu 03 tháng). Do đó, có không ít những trường hợp không thống nhất quan điểm hai ngành từ ngay giai đoạn điều tra vụ án hình sự, để khi CQĐT ra Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, Viện kiểm sát xét thấy không đúng nên ra Quyết định hủy bỏ Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra của CQĐT hoặc CQĐT đánh giá chứng cứ và tài liệu vụ án chưa đầy đủ và chính xác, vẫn ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố và chuyển đến Viện kiểm sát, trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát nhận thấy không có đủ căn cứ truy tố bị can lại ra Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án. Điều này dẫn đến việc tốn thời gian, công sức, lại không đạt hiệu quả tối ưu trong quá trình giải quyết án hình sự..

Tiểu kết chương 2

Trong Chương 2 luận văn đã làm rõ hai nội dung:

Thứ nhất: Luận văn đã trình bày quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra theo căn cứ pháp lý, thẩm quyền và trình tự thủ tục áp dụng. Luận văn cũng đã đánh giá các quy định hiện hành của pháp luật tố tụng hình sự về chế định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra.

Thứ hai: Trên cơ sở các quy định của pháp luật tố tụng hình sự và quá trình thực tiễn áp dụng những quy định về tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra của CQĐT, Viện kiểm sát từ năm 2013 đến hết 6 tháng đầu năm 2019 trên phạm vi cả nước, làm rõ những kết quả đạt được cũng như chỉ ra những hạn chế tồn tại khi thực hiện quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra của CQĐT, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân của những hạn chế tồn tại đó.

Những nội dung trên là tiền đề để luận văn đưa ra những yêu cầu, quan điểm cùng những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả của công tác tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án hình sự được đề cập tại Chương 3.

Chương 3

YÊU CẦU, QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

3.1.1. Yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền

Đối với tính tất yếu khách quan trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xuất phát từ định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nhằm xây dựng một chế độ xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh [9, tr.22]. Để có thể xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì một trong những sự quan tâm hàng đầu là Đảng ta là việc đề ra nhiều chủ trương nhằm cải cách tư pháp. Bên cạnh đó, nhằm từng bước hoàn thiện, nâng cao năng lực của các Cơ quan tư pháp và cán bộ ngành tư pháp trong tình hình mới, Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2008 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định: Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X tiếp tục khẳng định: Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Những văn kiện của Đảng ta cũng đã nhấn mạnh: Cần cải cách mạnh mẽ thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện và bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại phiên tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án; đồng thời coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp; mặt khác, yêu cầu cải cách nhiều nội dung cụ thể khác của tố tụng hình sự.

Đó là những phương hướng rất quan trọng mang tính chiến lược nhằm chỉ đạo việc nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của BLTTHS theo phương hướng trên.

3.1.2. Yêu cầu cải cách tư pháp

Cải cách tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được hiểu là một vấn đề có ý nghĩa mang tính lý luận và

thực tiễn vô cùng cấp bách. Trong thời gian qua, hoạt động cải cách tư pháp cũng đã đạt được nhiều thành tựu cụ thể. Đã có nhiều chủ trương và đường lối của Đảng về cải cách tư pháp đã được thể chế cụ thể trong Hiến pháp, pháp luật và đã, đang được triển khai đạt được nhiều kết quả khả thi. Tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, cơ quan hỗ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động ngày càng được nâng lên. Tại Đại hội Đảng lần thứ XII một lần nữa tái khẳng định mục tiêu chiến lược là xây dựng một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa[13, tr.109].

Đối với CQĐT, tại Đại hội lần thứ XII cũng đã nhấn mạnh nhiệm vụ Kiện toàn tổ chức cơ quan điều tra, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan điều tra[13, tr.115]. Đây là một quan điểm mang tính khoa học trong công tác tổ chức nhà nước nói chung và trong công tác tổ chức hệ thống CQĐT nói riêng. Có thể hiểu, hệ thống CQĐT cần được tổ chức theo sự phân công, phân cấp, phân quyền, thẩm quyền điều tra. *Trước hết*, thẩm quyền theo địa giới hành chính; *tội phạm xảy ra ở đâu, CQĐT ở đó thụ lý; thứ hai*, theo lĩnh vực hoạt động; *thứ ba*, theo tội danh; *thứ tư*, theo đối tượng phạm tội. CQĐT của Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiến hành thực hiện việc tổng hợp thẩm quyền trên các lĩnh vực, còn CQĐT của Công an nhân dân phân cấp rõ và cụ thể hơn [3].

Để yêu cầu cải cách tư pháp, giai đoạn tới đạt kết quả, cần tập trung vào các giải pháp sau:

Một là, công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung, mục đích của chiến lược cải cách tư pháp cũng như các quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về đẩy mạnh chiến lược cải cách tư pháp. Nâng cao nhận thức đến từng cán bộ, đảng viên, các cấp từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là cán bộ trong các cơ quan tư pháp.

Hai là, nghiên cứu, làm rõ mô hình và cách thức hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động tư pháp, cơ quan tư pháp gắn với việc lãnh đạo thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Bảo đảm rằng Đảng lãnh đạo chặt

chê đối với các cơ quan tư pháp về chính trị, tổ chức và cán bộ; khắc phục tình trạng cấp ủy đảng buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp.

Ba là, tiếp tục rà soát những quy định pháp luật để khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn trong việc quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan tư pháp, chức danh tư pháp để đảm bảo cho pháp luật là cơ sở cho các chức danh tư pháp thực hiện thẩm quyền cũng như xác định trách nhiệm bồi thường Nhà nước khi có thiệt hại xảy ra.

Bốn là, tập trung và triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương tiếp tục đổi mới và sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả được nêu trong Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6. Ngoài ra, cần rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, trong đó có CQĐT gắn với việc cải cách thủ tục hành chính. Tập trung phân định thẩm quyền quản lý hành chính của Thủ trưởng cơ quan với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp của các cán bộ được giao thực hiện các hoạt động tư pháp.

3.1.3. Yêu cầu bảo vệ quyền con người

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, các hoạt động của Cơ quan tiến hành tố tụng ảnh hưởng tới các quyền của công dân, đặc biệt là các quyền cơ bản được quy định trong Hiến pháp như: quyền tự do thân thể, quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện tín,... Do đó, BLTTHS đã quy định các nguyên tắc nhằm đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân quy định cụ thể tại Điều 8.

Để làm tốt công tác bảo vệ quyền con người trong hoạt động điều tra, đòi hỏi chúng ta phải làm tốt nhiệm vụ sau:

Một là, các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng phải tôn trọng, đảm bảo các quyền công dân trong tố tụng hình sự. Cần cân nhắc lựa chọn khi ra các quyết định tố tụng để không ảnh hưởng tới quyền cơ bản của công dân, cũng như phải chịu trách nhiệm đối với các hành vi xâm hại tới quyền cơ bản của công dân do họ gây ra trong quá trình giải quyết vụ án.

Hai là, chỉ được áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp điều tra thu thập chứng cứ khi có những căn cứ và trong giới hạn quy định của pháp luật. Thường xuyên kiểm tra, kiểm sát tính hợp pháp, hợp lý của việc áp dụng các biện pháp này; nếu phát hiện thấy có vi phạm pháp luật phải hủy bỏ ngay các quyết định đó. Khi những căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp thu thập chứng cứ không còn hoặc không cần thiết thì các cơ quan và người có thẩm quyền phải kịp thời hủy bỏ hoặc thay thế quyết định áp dụng các biện pháp đó.

Ba là, tôn trọng và tạo điều kiện để người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tạm giữ, bị can thực hiện đầy đủ các quyền như: Quyền được biết mình bị buộc tội về tội gì; Quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình; Quyền được chứng minh sự vô tội của mình bằng việc đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; Quyền được khiếu nại các quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng. Đồng thời hạn chế ở mức thấp nhất việc áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam, đồng thời mở rộng các biện pháp khác "mềm hơn" như bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bốn là, tôn trọng nguyên tắc suy đoán vô tội chỉ rõ trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các Cơ quan tiến hành tố tụng. Điều này có nghĩa nếu không chứng minh được hành vi phạm tội của ai đó thì phải tha bổng và tuyên bố người đó vô tội.

Năm là, bảo vệ quyền con người của người bị hại và người làm chứng trong tố tụng hình sự, người bị hại đã bị tội phạm xâm phạm bằng cách gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản cũng như các quyền lợi ích hợp pháp khác. Trong tố tụng hình sự, quyền của người bị hại biểu hiện ở quyền được yêu cầu các Cơ quan tiến hành tố tụng bảo vệ quyền con người của mình.

Sáu là, tăng cường giáo dục quyền con người cho những người tiến hành tố tụng. Bởi một điều quan trọng mà nhiều người lo ngại khi nói đến vấn đề bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự đó chính là sự xâm phạm quyền con người từ phía công quyền, sự xâm phạm này không chỉ thể hiện ở việc pháp luật còn khoảng trống mà phần nhiều nằm ở chính hoạt động cụ thể của người tiến hành tố tụng.

3.1.4. Yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm

Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, cần phải tập trung một số công tác trọng tâm sau:

Thứ nhất, cần xác định công tác đấu tranh phòng chống tội phạm là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị. Cùng với quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, đấu tranh phòng chống tội phạm là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn Dân và là trách nhiệm của mỗi công dân thì để công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đạt kết quả, trước hết cần phải huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết toàn dân và tính tích cực cách mạng của nhân dân.

Thứ hai, công tác điều tra vụ án hình sự là một bộ phận và phải gắn liền với công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Hai hoạt động này có quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động chuyển hóa lẫn nhau, để công tác phòng chống tội phạm đạt hiệu quả thì công tác điều tra vụ án phải nhanh, chính xác, xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nhằm răn đe giáo dục mọi người tôn trọng pháp luật.

Thứ ba, tiến hành đổi mới hoạt động phòng chống tội phạm phải gắn với quá trình cải cách tư pháp, cải cách hành chính, dân chủ hóa từng bước đời sống xã hội. Khi nhà nước thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật và hệ thống các chính sách cùng các quy chế để điều tiết các mối quan hệ kinh tế - xã hội, pháp luật tạo ra các điều kiện, cơ chế cho hoạt động của lực lượng điều tra.

Thứ tư, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm cần kết hợp với việc xây dựng lực lượng điều tra trong sạch, vững mạnh. Vì lực lượng điều tra là một trong những lực lượng chủ lực trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó muốn đấu tranh phòng chống tội phạm đạt hiệu quả cao, cần xây dựng lực lượng điều tra trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, bố trí sắp xếp bộ máy điều tra tinh gọn, hoạt động hiệu quả, bố trí cán bộ có trình độ, năng lực và có bản lĩnh chính trị vững vàng để thực hiện nhiệm vụ trong CQĐT.

3.2. Quan điểm nâng cao hiệu quả tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

3.2.1. Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, cụ thể hóa tinh thần Hiến pháp 2013

Trong nhiều năm qua, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có nhiều quan tâm triển khai chính sách hình sự thống các nghị quyết. Điển hình là Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/05/2005 "Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ

thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020" và Nghị quyết số 49 NQ/TW ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã thể hiện rất rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc đưa ra đường lối, chủ trương và chính sách trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Thông qua các nghị quyết này đã xác định quan điểm chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật là: Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh; thực hiện quyền con người, quyền tự do dân chủ công dân; tăng cường pháp chế trong quá trình xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành án pháp luật.

3.2.2. Không làm oan người không có tội, không bỏ lọt tội phạm

Quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm các quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân và các Nghị quyết của Đảng, của Quốc hội về công tác tư pháp, Nhất là Nghị quyết số 96/2015/QH13 của Quốc hội. Với tinh thần thượng tôn pháp luật, để khắc phục những sơ hở thiếu sót cũng như chấn chỉnh các sai phạm trong hoạt động điều tra, xử lý tội phạm cần phải tiếp tục chỉ đạo CQĐT cơ quan các cấp và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự. Thực hiện công tác tuyên truyền và thực hiện Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cùng các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chấn chỉnh công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo các đơn vị điều tra và điều tra viên trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp hạn chế quyền con người, đặc biệt là biện pháp tạm giữ, tạm giam đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, lập hồ sơ vụ án phải tuân thủ các quy định của pháp luật; phát hiện, thu thập, củng cố, bảo quản và đánh giá chứng cứ buộc tội cũng như chứng cứ gỡ tội đầy đủ, khách quan, toàn diện nhằm xác định sự thật vụ án. Việc đình chỉ điều tra, miễn trách nhiệm hình sự phải bảo đảm chặt chẽ, có đầy đủ căn cứ.

Thường xuyên giáo dục chính trị, tư tưởng, tập huấn, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, đạo

đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và trách nhiệm công vụ cho lực lượng thực thi pháp luật, nhất là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, Điều tra viên, Cán bộ điều tra. Xây dựng đội ngũ điều tra viên đủ về số lượng, nắm vững đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, tinh thông nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức trong sáng.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra, nhất là việc chấp hành các quy trình làm việc, quy chế công tác trong hoạt động điều tra, phát hiện sớm sai phạm, tập trung xác minh dấu hiệu oan, sai để có biện pháp chấn chỉnh, xử lý kịp thời, không để kéo dài, gây hậu quả xấu. Tăng cường công tác hướng dẫn chỉ đạo, tổng kết đúc rút kinh nghiệm trong hoạt động điều tra, xử lý tội phạm của CQĐT cấp trên với CQĐT cấp dưới, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, những vụ án phức tạp, tồn đọng, kéo dài. Phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát nhân dân các cấp kiểm sát hoạt động điều tra ngay từ khâu tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm nhằm hạn chế các vi phạm, thiếu sót trong hoạt động tố tụng hình sự, phòng ngừa oan sai.

3.2.3. Phù hợp với mô hình tố tụng thẩm vấn có tăng cường các yếu tố tranh tụng với thực tiễn tình hình tội phạm và hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm ở Việt Nam

Nhằm bảo đảm cho quá trình tranh tụng được diễn ra bình đẳng, dân chủ, khách quan, chúng ta cần phải:

Thứ nhất, cần bảo đảm sử dụng việc kiểm tra chéo, đối chất để xác định tính chính xác, có căn cứ của chứng cứ. Các bên (buộc tội và gỡ tội) đều có quyền thẩm vấn các nhân chứng để kiểm tra tính trung thực trong lời khai của họ, kiểm tra tính xác thực, logic và có căn cứ về những chứng cứ mà họ đã khai, nhằm bảo đảm rằng lời khai của nhân chứng là cái họ đã nhìn thấy, chứng kiến cụ thể và không phải do họ suy diễn hoặc họ nghĩ rằng sẽ diễn ra như vậy.

Thứ hai, bảo đảm quyền tranh tụng trước tòa cho cả phía buộc tội đại diện cho Nhà nước và phía gỡ tội (các luật sư bào chữa) một cách bình đẳng, khách quan, không bên nào được lấn át hay áp đặt nhận thức đối với bên kia về quan điểm mà mình đưa ra. Thẩm phán giữ vai trò trọng tài, điều khiển cuộc tranh tụng, bảo

đảm cho các bên có đầy đủ các điều kiện và quyền hạn tranh tụng như nhau, buộc bên bị phản đối phải chấm dứt việc đưa ra các quan điểm suy diễn, áp đặt nếu sự phản đối của bên kia là có căn cứ, đồng thời, ngăn chặn những phản đối không có căn cứ..

Thứ ba, chức năng giám sát việc tuân theo pháp luật được giao cho Tòa án. Với vị trí trung tâm của hệ thống tư pháp, của hoạt động tố tụng, Tòa án có quyền và có trách nhiệm bảo đảm cho các bên nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật.

3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

Để thực hiện thống nhất quy định về tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, cơ quan tố tụng các cấp tập trung chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, các Cơ quan tiến hành tố tụng trung ương khẩn trương hoàn thiện các văn bản pháp luật hướng dẫn các quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự nói chung, về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra nói riêng nhằm hướng dẫn chi tiết các quy định của pháp luật đối với chế định này.

Thứ hai, quán triệt, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan đến hoạt động điều tra, hoạt động tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra. Làm tốt công tác theo dõi, quản lý, giải quyết án tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, đơn vị được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Các đơn vị điều tra chủ trì, phối hợp với viện kiểm sát cùng cấp định kỳ (06 tháng, 1 năm) tổ chức rà soát, phân loại án tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra thuộc trách nhiệm theo dõi, quản lý để thống nhất về số liệu, xây dựng báo cáo tổng hợp, thống kê.

Thứ ba, việc rà soát, phân loại án tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra phải làm rõ lý do, căn cứ. Đối với án tạm đình chỉ phải làm rõ thời hạn tạm đình chỉ, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và các căn cứ phục hồi hoặc đình chỉ vụ án đối với vụ án tạm đình chỉ.

Căn cứ kết quả rà soát, phân loại, các Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phối hợp với Viện kiểm sát cùng cấp thống nhất hình thức, biện pháp xử lý, giải quyết kịp thời án tạm đình chỉ, đình chỉ theo đúng quy định của pháp luật.

3.3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

3.3.2.1. Tăng cường nhận thức về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

Lực lượng điều tra luôn luôn phải nhận thức rằng: tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra có vị trí nhất định trong hoạt động điều tra vừa là biện pháp sửa chữa những sai lầm của CQĐT trong khởi tố, điều tra vụ án, vừa có ý nghĩa bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Để nâng cao nhận thức về tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, cần làm tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất, cần quán triệt thực hiện việc cho lực lượng điều tra có nhận thức đúng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra.

Thứ hai, nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, thông qua các biện pháp như:

- Tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng, điều tra viên, cán bộ điều tra thuộc CQĐT, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng, cán bộ điều tra của các cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Tăng cường tập huấn, rút kinh nghiệm trong hoạt động điều tra, nhất là căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra.

- Tăng cường kiểm tra nghiệp vụ, nhất là trình độ và trách nhiệm của điều tra viên trong việc xây dựng kế hoạch điều tra; có quy định cụ thể về trách nhiệm của điều tra viên, kiểm sát viên trong việc để xảy ra các vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập, củng cố, đánh giá chứng cứ không đúng... do điều tra viên chưa làm hết trách nhiệm, kiểm sát viên không kịp thời phát hiện để điều tra viên khắc phục.

3.3.2.2. Tăng cường tập huấn, tổ chức thực hiện bộ luật tố tụng hình sự đồng thời nâng cao trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ của những người tiến hành tố tụng

Tổ chức tập huấn, tổ chức thực hiện BLTTHS 2015 đến tất cả các cán bộ điều tra, kiểm sát, trong đó đặc biệt nhấn mạnh làm rõ các điểm mới của BLTTHS

2015 so với BLTTHS 2003, thống nhất cách giải quyết các trường hợp còn vướng mắc từ thực tiễn tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra trong thời gian qua.

Tội phạm hình sự ngày một gia tăng và diễn biến phức tạp, với phương thức thực hiện rất tinh vi, xảo quyệt. Vì vậy, đòi hỏi việc nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn cho người áp dụng pháp luật là vấn đề thường xuyên và liên tục để đáp ứng yêu cầu thực tế. Người tiến hành tố tụng phải có năng lực chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ, vững vàng về quan điểm chính trị, trong sáng về phẩm chất đạo đức.

Cùng với sự phát triển và hội nhập của xã hội, pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam nói riêng không ngừng khắc phục những khó khăn, đổi mới, hoàn thiện mình. BLTTHS 2015 ra đời để thay thế cho BLTTHS 2003 có những quy định mới và ưu việt hơn. Nhưng sự chuyển giao giữa hai bộ luật này sẽ gây ra không ít những lung túng, khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc áp dụng trên thực tế. Do đó, đòi hỏi ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành, hướng dẫn cụ thể việc áp dụng những điểm mới, tháo gỡ những vướng mắc nhất là vấn đề về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra. Đồng thời tổ chức tập huấn triển khai thực hiện BLTTHS 2015 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành này cho điều tra viên, kiểm sát viên, cán bộ điều tra, trong đó chú ý làm rõ những điểm mới về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra. Bên cạnh đó, chú trọng cử đi đào tạo, bồi dưỡng để một số kiểm sát viên thông thạo nghiệp vụ chuyên sâu về công tác tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra.

CQĐT cũng cần có kế hoạch cử cán bộ, điều tra viên của mình đi bồi dưỡng hàng năm, thường xuyên, mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo chuyên đề, sao cho mỗi cán bộ, điều tra viên sau nhiều nhất 3-5 năm phải được đi bồi dưỡng nghiệp vụ một lần để cập nhật kiến thức một cách toàn diện không chỉ về pháp luật, nghiệp vụ mà cả về phẩm chất chính trị và đạo đức. Cùng với việc xây dựng đội ngũ điều tra viên vững mạnh thì đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên cũng phải từng bước tiêu chuẩn hóa theo đúng quy định của pháp luật về kiểm sát viên. Đội ngũ kiểm sát viên cũng cần phải được bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ sao cho mỗi kiểm sát viên sau 3-5 năm phải được bồi dưỡng nghiệp vụ một lần; trước khi kiểm sát viên được bổ nhiệm cần phải thi sát hạch chặt chẽ, hiệu quả.

Mặt khác hàng năm tổ chức các hội nghị rút kinh nghiệm và giải đáp các vướng mắc trong công tác thực hiện quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự nói chung và công tác kiểm sát việc tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra nói riêng. Việc khen thưởng và xử lý kỷ luật phải đảm bảo kịp thời, khách quan, công bằng để tạo động lực chung trong việc thực hiện nhiệm vụ tốt hơn, nhằm tránh oan, sai và bỏ lọt tội phạm.

3.3.2.3. Nâng cao chất lượng quản lý, chỉ đạo điều hành, nâng cao tinh thần trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng và xử lý các trường hợp vi phạm trong việc tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra để làm gương

Lãnh đạo Viện kiểm sát, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT hàng tuần cần phải nghe Cán bộ, Kiểm sát viên, điều tra viên báo cáo tiến độ giải quyết vụ án, các chứng cứ cần lưu ý trong hồ sơ vụ án, kết quả các buổi làm việc tiến hành hỏi cung, ghy lời khai của bị can và những người liên quan..., duyệt nội dung yêu cầu điều tra, yêu cầu xác minh trước khi ký duyệt theo thẩm quyền, đảm bảo các quyết định có căn cứ vững chắc. Cấp dưới phải kịp thời báo cáo cấp trên về những vụ việc nghiêm trọng, phức tạp hoặc có khó khăn, vướng mắc để xin ý kiến chỉ đạo kịp thời giải quyết.

Thực tiễn hiện nay, tồn tại một số cán bộ, Điều tra viên, Kiểm sát viên thoái hóa, biến chất, bị dụ dỗ bởi những lợi ích vật chất dẫn đến làm sai lệch vụ án. Một số khác thì hời hợt trong việc giải quyết vụ án hình sự, làm qua loa, đại khái. Do đó cần có các biện pháp xử lý nghiêm minh và phù hợp với mức độ các trường hợp vi phạm để làm gương, sai đến đâu xử lý kỷ luật đến đó, nhẹ có thể nhắc nhở, rút kinh nghiệm, nếu tiếp tục vi phạm phải có hình thức xử lý kỷ luật thích đáng như chuyển công tác khác không để tiếp tục làm công tác điều tra, hạ cấp bậc, chức vụ, thậm trí đình chỉ công tác khi cần thiết... Bên cạnh đó, cùng với các hình thức xử lý kỉ luật, cần có các hình thức thi đua khen thưởng phù hợp đối với những người tiến hành tố tụng hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có những sáng kiến góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả các công tác điều tra và kiểm sát điều tra... từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng.

3.3.2.4. Tăng cường sự phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong công tác giải quyết vụ án hình sự

Ngoài việc thực hiện nghiêm chỉnh chức năng, nhiệm vụ của từng ngành theo quy định của pháp luật, thì công tác phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc hạn chế những sai sót trong việc tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra. Hai ngành phải thực hiện sự phối hợp tốt theo quy chế; không để xảy ra tình trạng “quyền anh, quyền tôi”, nể nang, né tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau. Khi thấy có căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra thì hai ngành cần kịp thời trao đổi ngay từ giai đoạn điều tra để thực hiện ngay, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can, tránh để sang giai đoạn truy tố mới ra Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án.

Viện kiểm sát cần thực hiện tốt vai trò kiểm sát của mình một cách chặt chẽ ngay khi CQĐT khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Tránh tình trạng khởi tố sau đó lại ra quyết định đình chỉ. Những trường hợp CQĐT khởi tố vụ án, khởi tố bị can nhưng chưa đủ cơ sở chứng minh hành vi phạm tội thì yêu cầu CQĐT làm rõ, trường hợp không làm rõ được thì Viện kiểm sát kiên quyết không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can. Trước khi CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, Kiểm sát viên cần phối hợp với điều tra viên để kiểm tra các căn cứ đó đã đúng với quy định của pháp luật không. Đối với các trường hợp CQĐT tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra không có căn cứ thì Viện kiểm sát cần kiên quyết hủy các quyết định đó của CQĐT và yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra.

3.3.2.5. Một số giải pháp khác (Thanh kiểm tra, giám sát...)

• *Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân.* Để làm tốt công tác này thì lực lượng điều tra cần thực hiện tốt những mặt công tác sau đây:

- Thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng các hình thức phổ biến, giáo dục; lồng ghép nội dung giáo dục pháp luật vào các chương trình giảng dạy đối với học sinh, sinh viên; lồng ghép vào các hoạt động văn hóa văn nghệ, các đợt sinh hoạt chính trị; tổ chức thường xuyên các cuộc thi tìm hiểu pháp luật.

- Tăng cường hơn nữa việc phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng (đài phát thanh, truyền hình, báo chí) để nâng cao hiểu biết về tinh thần cảnh giác của nhân dân và thủ đoạn hoạt động của tội phạm.

- Tập trung đầu tư các điều kiện đảm bảo cho công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Đặc biệt cần xây dựng cơ chế cấp phát ngân sách dành riêng cho công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Tăng cường việc huy động kinh phí từ các dự án, đề án và các nguồn kinh phí khác khắc phục cho công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đối với mọi tầng lớp nhân dân, tổ chức, đoàn thể. Tuyên truyền để mọi người hiểu, luôn thấy rõ quyền và nghĩa vụ pháp lý khi làm việc với CQĐT.

- *Thực hiện tốt công tác phân loại, xử lý tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự.* Nếu làm tốt công tác này ngay từ đầu sẽ hạn chế đến mức thấp nhất việc khởi tố oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm,

- *Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, rà soát tiêu chuẩn chính trị nội bộ, kết hợp với công tác phát hiện những biểu hiện sai phạm, tiêu cực để làm tốt công tác phòng ngừa sai phạm trong thực hiện nhiệm vụ của lực lượng điều tra.*

- *Tăng cường quán triệt, thực hiện các nghị quyết của Trung ương và của cấp ủy các cơ quan tư pháp về lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, cải cách tư pháp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật, trong đó có pháp luật tố tụng hình sự...*

Tiểu kết chương 3

Trong Chương 3, luận văn đã trình bày ba nội dung chính:

Thứ nhất: Luận văn trình bày những yêu cầu nâng cao hiệu quả tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án của Đảng và Nhà nước

Thứ hai: Luận văn trình bày quan điểm của Đảng và Nhà nước trong việc nâng cao hiệu quả công tác tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra.

Thứ ba: Luận văn đã đề xuất những giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật tổ tụng hình sự về chế độ tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra. Đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác này trên thực tế.

Như vậy, việc giải quyết các vấn đề trên, luận văn góp phần giúp cho Cơ quan tiến hành tố tụng hạn chế đến mức thấp nhất những tồn tại, hạn chế trong việc tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, từ đó thiết lập sự công bằng giữa lợi ích Nhà nước và lợi ích riêng của mỗi người; đảm bảo tính khách quan của vụ án cùng quyền và lợi ích chính đáng của người dân. Đồng thời là cơ sở pháp lý để hoàn thiện chế độ tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra và các chế độ khác có liên quan.

KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu những quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra, luận văn đã đạt được những kết quả nhất định, thể hiện ở những điểm chính sau:

Luận văn làm rõ những vấn đề lý luận, khẳng định khái niệm tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra, theo đó: Tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra là các hình thức làm tạm ngừng hoặc chấm dứt các hoạt động điều tra do CQĐT áp dụng khi xuất hiện những lý do khách quan không thể tiếp tục tiến hành các hoạt động điều tra. Tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra có ý nghĩa chính trị, xã hội cũng như về mặt pháp lý quan trọng. Quy định này góp phần thực hiện các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền mà trong đó nổi bật là yêu cầu bảo đảm pháp chế và bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của công dân.

Luận văn phân tích rõ các quy định của pháp luật, chỉ ra những điểm mới của BLTTHS 2015 so với BLTTHS 2003 về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra. Về cơ bản những quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra trong BLTTHS đã đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn trong việc khắc phục những trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm do hoạt động khởi tố và điều tra vụ án hình sự gây ra, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, người bị hại.

Thực tiễn thực hiện quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra đã phản ánh những kết quả đạt được: ngày càng đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, người bị hại được tôn trọng, thực hiện; ngày càng hạn chế được tình trạng oan, sai, bỏ lọt tội phạm trong hoạt động khởi tố, điều tra vụ án hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn đó cũng phản ánh những hạn chế, vướng mắc của CQĐT trong việc thực hiện các quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra

Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra của CQĐT, luận văn nêu rõ yêu cầu hoàn thiện các quy định của pháp luật về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra, đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện việc quy định pháp luật và đồng thời nâng cao chất lượng của việc thực hiện các quy định pháp luật về tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (Chủ biên) (2009), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trần Văn Biên – Đinh Thế Hưng (Đồng chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. Bộ Công an (2007), *Thông báo kết luận của lãnh đạo Bộ Công an tại Hội nghị sơ kết 2 năm thực hiện Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự 2004*, Hà Nội.
4. Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Thông tư liên tịch số 13/2012/TTLT-BCA-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 9/10/2012 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và luật Thi hành án hình sự về truy nã*, Hà Nội.
5. Bộ Nội vụ - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp (1990), *Thông tư liên tịch số số 05-BNV-TANDTC-VKSNDTC- BTP/TTLT ngày 02/6/1990 hướng dẫn thi hành chính sách đối với người phạm tội ra tự thú*, Hà Nội.
6. Chuyên đề lý luận về đình chỉ điều tra vụ án, bị can, thực trạng và giải pháp kiến nghị, <<http://vksquangngai.gov.vn/index.php/vi/xay-dung-nganh/Chuyen-de-Sang-kien/Chuyen-de-Ly-luan-ve-dinh-chi-dieu-tra-vu-an-bi-can-thuc-trang-va-giai-phap-kien-nghi-34/>>, ngày 19/12/2017.
7. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên (2018), *Báo cáo giao ban tố tụng 06 tháng đầu năm 2018*, Điện Biên.
8. Công an tỉnh Điện Biên (2013-2017), *Báo cáo án đình chỉ, tạm đình chỉ của Công an tỉnh Điện Biên các năm từ năm 2013 đến năm 2017*, Điện Biên.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 25/4/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
14. Hồ Thị Hạnh (2003), "*Vấn đề đình chỉ vụ án khi người bị hại rút yêu cầu khởi tố*", Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Số 2, tr. 35 - 41.
15. Học viện An ninh nhân dân (2013), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Huỳnh Quốc Hùng (2008), "*Một số đề xuất sửa đổi, bổ sung các chế định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án và phục hồi điều tra trong Bộ luật tố tụng hình sự*", Tạp chí Kiểm sát, Số 5, tr 32 – 39.
17. Nguyễn Ngọc Khánh (2009), "*Thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc quyết định truy tố, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án theo yêu cầu cải cách tư pháp*", Tạp chí Kiểm sát, Số 3, tr. 22 – 28.
18. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
19. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
20. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
21. Vũ Gia Lâm (1999), "*Vấn đề đình chỉ điều tra và đình chỉ vụ án trong Luật tố tụng hình sự*", Tạp chí Luật học, Số 3, tr 30 - 37.
22. Mai Văn Lư (2008), "*Đình chỉ điều tra và đình chỉ vụ án hình sự đối với trường hợp không có sự việc phạm tội và hành vi không cấu thành tội phạm*", Tạp chí Kiểm sát, Số 6, tr 26 - 31.
23. Nguyễn Sao Mai (2016), *Vấn đề đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.
24. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.

25. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
26. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
30. Quốc hội (2017), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13*, Hà Nội.
31. Nguyễn Sơn (2001), "*Thẩm quyền và căn cứ đình chỉ vụ án hình sự theo Điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự*", Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 5, tr 14 - 20.
32. Lê Thế Thanh (2017), *Đình chỉ điều tra vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
33. Tòa án nhân dân tối cao năm (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về tố tụng hình sự*, Hà Nội.
34. Tòa án nhân dân tối cao năm (1976), *Hệ thống hóa luật lệ về tố tụng hình sự*, Hà Nội.
35. Tòa án nhân dân tối cao (1990), *Các văn bản về hình sự, dân sự và tố tụng hình sự*, Hà Nội.
36. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
37. Viện Chiến lược và Khoa học - Bộ Công an (2005), *Từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
38. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết công tác ngành kiểm sát năm 2013*, Hà Nội.
39. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *Báo cáo tổng kết công tác ngành kiểm sát năm 2014*, Hà Nội.
40. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo tổng kết công tác ngành kiểm sát năm 2015*, Hà Nội.

41. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Báo cáo tổng kết công tác ngành kiểm sát năm 2016*, Hà Nội.
42. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), *Báo cáo tổng kết công tác ngành kiểm sát năm 2017*, Hà Nội.
43. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018), *Báo cáo tổng kết công tác ngành kiểm sát năm 2018*, Hà Nội.
44. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng (2017), *Thông tư liên tịch số 05/2017/TTLT – VKSTC – BCA – BQP ngày 07/12/2017 về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2015*, Hà Nội.
45. Trịnh Tiến Việt (2004), "*Hoàn thiện các quy định về miễn trách nhiệm hình sự*", Tạp chí Kiểm sát, Số 5, tr. 6 -10.
46. Võ Khánh Vinh (2007), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), *Đại Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
48. Phạm Thị Yến (2014), "*Những khó khăn vướng mắc trong công tác tạm đình chỉ điều tra trong giai đoạn điều tra và tạm đình chỉ vụ án trong giai đoạn truy tố và xét xử*", Tạp chí kiểm sát, Số 7, tr. 11 -15.